




Màn Hình WUHD Cong Dell UltraSharp 40 -U4021QW

Cắm Nang Hướng Dẫn Sử Dụng

Model: U4021QW
Model tiêu chuẩn: U4021QWt



-  **LƯU Ý: LƯU Ý** cho biết thông tin quan trọng giúp bạn sử dụng máy tính hiệu quả hơn.
-  **CHÚ Ý: CHÚ Ý** cho biết thiệt hại tiềm ẩn đối với phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu bạn không thực hiện theo các hướng dẫn.
-  **CẢNH BÁO: CẢNH BÁO** cho biết nguy cơ gây thiệt hại tài sản, tổn thương cơ thể hoặc chết người.

Bản quyền © 2020 Dell Inc. hoặc các công ty trực thuộc của Dell. Bảo lưu mọi bản quyền. Dell, EMC, và các thương hiệu khác là của Dell Inc. hoặc các công ty trực thuộc của Dell. Các nhãn hiệu khác có thể là của các chủ sở hữu tương ứng.

2020 – 12

Rev. A00

Nội dung

Hướng Dẫn An Toàn	5
Giới thiệu về màn hình của bạn	6
Thành phần của gói hàng	6
Tính năng sản phẩm	8
Nhận biết các bộ phận và hệ thống điều khiển	9
Mặt trước	9
Mặt sau	10
Mặt dưới	11
Thông số kỹ thuật màn hình	12
Thông số kỹ thuật độ phân giải	13
Chế độ hiển thị cài sẵn	14
Thông số kỹ thuật điện	15
Thông Số Kỹ Thuật của Loa	16
Đặc điểm vật lý	16
Đặc điểm môi trường	17
Video - Bảng Thông	18
USB - Bảng Thông	18
Cách gán châu cắm	19
Cắm và Chạy	25
Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình LCD	25
Phù hợp cơ địa	26
Xử lý và di chuyển màn hình của bạn	28
Hướng dẫn bảo dưỡng	29
Vệ sinh màn hình của bạn	29
Lắp đặt màn hình	30
Lắp giá đỡ	30
Sử Dụng Phụ Kiện Mở Rộng Chỉnh Nghiêng, Xoay Vòng và Chỉnh Dọc	33



Phụ Kiện Mở Rộng Chỉnh Nghiêng, Xoay Vòng và Chỉnh Dọc	33
Kết Nối Màn Hình Của Bạn	34
Xếp gọn dây cáp	38
Cố định màn hình bằng khóa Kensington (tùy chọn)	38
Tháo giá đỡ màn hình	39
Treo Tường (Tùy chọn)	40
Sử dụng màn hình	41
Bật nguồn màn hình	41
Dùng phím điều khiển	41
Sử dụng chức năng Khóa OSD	43
Nút Phía Trước.	46
Sử dụng menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD)	47
Truy cập menu hệ thống	47
Thông tin cảnh báo OSD	60
Cài đặt độ phân giải tối đa	64
Thiết đặt Chuyển Đổi USB KVM	65
Thiết đặt KVM Tự Động	68
Khắc phục sự cố	70
Tự kiểm tra	70
Chẩn đoán tích hợp.	71
Các sự cố thường gặp	72
Sự Cố của Từng Sản Phẩm Cụ Thể	74
Các sự cố liên quan đến Buýt Nối Tiếp Đa Năng (USB)	79
Phụ Lục	81
Các thông báo FCC (chỉ áp dụng ở Mỹ) và thông tin quy định khác	81
Liên hệ với Dell	81
Cơ sở dữ liệu của sản phẩm EU để ghi trên nhãn năng lượng và bảng thông tin sản phẩm	81



Hướng Dẫn An Toàn

⚠ CẢNH BÁO: Nếu điều khiển, điều chỉnh hoặc thực hiện các thao tác không giống như nêu trong hướng dẫn này có thể sẽ khiến cho sản phẩm bị sốc, chập điện và/hoặc hỏng cơ học.

- Đặt màn hình trên bề mặt chắc chắn và xử lý cẩn thận. Màn hình dễ vỡ và có thể bị hỏng nếu bị rơi hoặc va đập mạnh.
- Cần đảm bảo màn hình có định mức dòng điện tương ứng với nguồn AC tại nơi sử dụng.
- Giữ màn hình ở nhiệt độ phòng. Lạnh hoặc nóng quá mức có thể tác động xấu đến thành phần tinh thể lỏng của màn hình.
- Không để màn hình bị rung lắc hoặc va đập mạnh. Ví dụ, không đặt màn hình bên trong cốp xe.
- Rút phích cắm màn hình khi không sử dụng trong một khoảng thời gian dài.
- Để tránh bị điện giật, không tháo nắp hoặc chạm vào bên trong màn hình.

Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, xem mục Thông Tin An Toàn, Môi Trường và Quy Định (SERI).



Giới thiệu về màn hình của bạn




Thành phần của gói hàng

Màn hình của bạn được vận chuyển kèm theo các linh kiện được liệt kê trong bảng dưới đây. Nếu thiếu bất kỳ linh kiện nào, vui lòng liên hệ với Dell. Để biết thêm thông tin, vui lòng [Liên hệ với Dell](#).

LƯU Ý: Một số linh kiện là không bắt buộc và có thể không được gửi kèm với màn hình của bạn. Một số tính năng có thể không có sẵn ở một số quốc gia.

	Hiển thị
	Giá đỡ
	Chân đế
	Cáp điện (khác nhau tùy từng quốc gia)
	Cáp DisplayPort (kết nối giữa các DisplayPort)
	Cáp upstream chuyển đổi A-B USB 3.2 Gen 1 Siêu Tốc (để kết nối các cổng USB trên màn hình)



	<p>Cáp HDMI</p>
	<p>Cáp Thunderbolt™ 4 (USB Type-C)</p>
	<ul style="list-style-type: none"> • Cẩm Nang Hướng Dẫn Cài Đặt Nhanh • Thông tin về an toàn, môi trường và quy định • Báo Cáo Hiệu Chính Mặc Định



Tính năng sản phẩm

Màn hình Cong **Dell UltraSharp U4021QW** có ma trận hoạt động, Bóng Bán Dẫn Mỏng (TFT), Màn Hình Tinh Thể Lỏng (LCD), và đèn nền LED. Các tính năng của màn hình bao gồm:

- Màn hình có phạm vi hiệu dụng là 100,859 cm (39,7 in) (đo theo đường chéo), độ phân giải 5120 x 2160 (21:9) với khả năng hỗ trợ toàn màn hình cho độ phân giải thấp hơn.
- Góc nhìn rộng với DCI-P3 98%.
- Có thể điều chỉnh độ nghiêng, xoay và giãn màn hình theo chiều dọc.
- Loa tích hợp (2 x 9 W).
- Có các lỗ treo 100mm theo đúng tiêu chuẩn của Hiệp Hội Tiêu Chuẩn Video Điện Tử (VESA™) và các giá đỡ tháo lắp dễ dàng để thuận tiện cho việc lắp đặt.
- Mép được thi công vát siêu mỏng giúp giảm thiểu tối đa khe hở trong quá trình sử dụng tích hợp nhiều màn hình, nhờ vậy mà dễ dàng hơn trong việc lắp đặt, mang lại trải nghiệm góc nhìn tinh tế.
- Cho phép kết nối mở rộng với HDMI và DP giúp màn hình có thể tùy biến nâng cấp trong tương lai.
- Single Thunderbolt™ 3 (90 W) để cấp nguồn cho notebook tương thích đồng thời cũng là nơi nhận tín hiệu video.
- Các cổng Thunderbolt™ 3 (90 W) và RJ45 mang lại trải nghiệm kết nối internet chỉ bằng một cáp duy nhất.
- Tích hợp tính năng Plug and play (Cắm và Chạy) nếu hệ thống của bạn hỗ trợ.
- Có các nút điều chỉnh Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD) để dễ dàng cài đặt và tối ưu hóa màn hình.
- Khóa các nút nguồn và OSD.
- Có khe khóa an toàn.
- ≤ 0,3 W ở Chế Độ Chờ.
- Hỗ trợ cả Chế Độ Picture by Picture (PBP) / và Chế Độ Picture in Picture (PIP).
- Cho phép người dùng chuyển đổi chức năng USB KVM khi ở chế độ PBP.
- Màn hình được tích hợp công nghệ Flicker-Free, tức là không tạo ra các hiện tượng nhấp nháy nhìn được bằng mắt, tạo cảm giác dễ chịu khi xem, mắt sẽ không bị mỏi và căng.
- Cho phép Thay Đổi Bảng Điều Khiển Miễn Phí để bạn yên tâm sử dụng.
- Mắt được thoải mái tối ưu do màn hình không nhấp nháy giúp giảm thiểu phát xạ ánh sáng xanh.
- Màn Hình sử dụng tấm panel ít Ánh Sáng Xanh và tuân thủ chuẩn TUV Rheinland (Giải Pháp Phần Cứng) ở các model cài đặt mặc định/tái thiết về mặc định.
- Giảm ánh sáng xanh có hại phát ra từ màn hình để mắt của bạn được thoải mái hơn khi nhìn.



⚠ CẢNH BÁO: Ánh sáng xanh từ màn hình về lâu dài có thể gây hại cho mắt, ví dụ như gây mỏi mắt hoặc môi mắt do thiết bị số.

Nhận biết các bộ phận và hệ thống điều khiển

Mặt trước



Nhãn	Mô Tả	Sử dụng
1	Đèn LED báo nguồn	Đèn trắng sáng ổn định cho biết màn hình đang bật và hoạt động bình thường. Đèn trắng sáng nhấp nháy cho biết màn hình đang ở Chế Độ Standby.



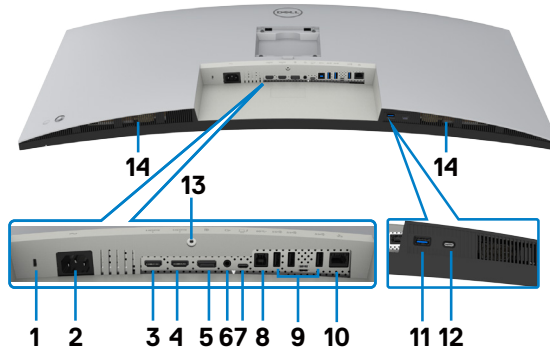
Mặt sau




Nhãn	Mô Tả	Sử dụng
1	Các lỗ lắp VESA (nắp VESA đính kèm phía sau 100 mm x 100 mm)	Màn hình treo tường sử dụng bộ kit treo tường đạt chuẩn VESA (100 mm x 100 mm).
2	Nhãn theo quy định	Liệt kê các thông số chấp nhận theo quy định.
3	Nút nhà giá đỡ	Nhả giá đỡ ra khỏi màn hình
4	Nút Bật/Tắt nguồn	Để bật hoặc tắt màn hình.
5	Phím điều khiển	Dùng để điều khiển menu OSD. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem Vận hành màn hình .
6	Địa chỉ MAC, mã vạch, số sê-ri và nhãn Thẻ Dịch Vụ	Xem nhãn này nếu bạn cần liên hệ với Dell để được hỗ trợ kỹ thuật. Thẻ Dịch Vụ là thẻ thông tin duy nhất gồm cả chữ và số giúp chuyên viên kỹ thuật của Dell nhận biết được các phụ kiện phần cứng có trong máy tính của bạn và tìm thông tin bảo hành.
7	Khe quản lý cáp	Được sử dụng để sắp xếp các dây cáp bằng cách luồn qua khe.




Mặt dưới



Nhãn	Mô Tả	Sử dụng
1	Khe khóa an toàn	Bảo vệ màn hình bằng khóa cáp an toàn (bán riêng).
2	Kết nối nguồn điện	Kết nối cáp nguồn.
3	Cổng HDMI 1	Kết nối với máy tính của bạn bằng cáp HDMI
4	Cổng HDMI 2	Kết nối với máy tính của bạn bằng cáp HDMI
5	Cổng vào DisplayPort	Kết nối với máy tính của bạn bằng cáp DisplayPort.
6	Cổng ra âm thanh	Kết nối với loa để phát âm thanh thông qua các kênh âm thanh HDMI hoặc DisplayPort. Chỉ hỗ trợ âm thanh hai kênh. LƯU Ý: Cổng ra âm thanh không hỗ trợ tai nghe.
7	Thunderbolt™ 3 (90 W)/ DisplayPort	Kết nối với máy tính của bạn bằng cáp Thunderbolt™ 4 (USB Type-C). Cổng Thunderbolt™ 3 (90 W) mang lại tốc độ truyền tải nhanh nhất đồng thời giải pháp thay thế DP 1.4 còn hỗ trợ độ phân giải tối đa 5120 x 2160 at 60 Hz PD 20 V/4,5 A, 15 V/3 A, 9 V/3 A, 5 V/3 A. LƯU Ý: USB Type-C không được hỗ trợ trên các hệ điều hành Window thấp hơn Window 10.
8	Cổng USB upstream Type-B	Cắm cáp USB đi kèm màn hình vào máy tính. Sau khi cắm, bạn có thể sử dụng các kết nối USB downstream có trên màn hình.
9,11	USB 10 Gbps Siêu Tốc (USB 3.2 Gen2) (4)	Kết nối thiết bị USB của bạn. Bạn chỉ có thể sử dụng các cổng này sau khi đã kết nối USB giữa máy tính và màn hình. Cổng có biểu tượng pin  hỗ trợ Battery Charging Rev. 1.2.



10	Đầu cắm RJ-45	Kết Nối Internet. Bạn có thể truy cập Internet qua RJ45 chỉ sau khi đã kết nối USB (Type-A với Type-C hoặc Type-C với Type-C) giữa máy tính và màn hình.
12	Cổng downstream USB 3.2 Gen2 10Gbps Type-C Siêu Tốc	Cổng có biểu tượng  hỗ trợ 5 V/ 3 A. Kết nối thiết bị USB-C của bạn. Bạn chỉ sử dụng được các cổng này sau khi đã kết nối USB (Type-A với Type-B hoặc Type-C với Type-C) giữa máy tính và màn hình.
13	Chốt giá đỡ	Chốt cố định giá đỡ vào màn hình bằng vít M3 x 8 mm (vít bán riêng).
14	Loa tích hợp	Để xuất âm thanh từ cổng vào âm thanh.

Thông số kỹ thuật màn hình

Loại màn hình	Active matrix - TFT LCD
Loại panel	Công nghệ chuyển đổi tích hợp
Tỷ lệ khung hình	21:9
Kích thước hình ảnh hiển thị	
Chéo	1008,59 mm (39,7 in)
Vùng hiệu dụng	
Ngang	929,28 mm (36,59 in)
Dọc	392,04 mm (15,44 in.)
Diện tích	364236,5 mm ² (564,95 in. ²)
Khoảng cách giữa các điểm ảnh	0,1815 mm x 0,1815 mm
Điểm ảnh / inch (PPI)	140
Góc nhìn	
Ngang	178° (tiêu chuẩn)
Dọc	178° (tiêu chuẩn)
Độ sáng	300 cd/m ² (tiêu chuẩn)
Hệ số tương phản	1000:1 (tiêu chuẩn)
Độ cong	2500R
Lớp phủ màn hình hiển thị	Được xử lý tráng lóa bằng lớp mạ cứng phân cực phía trước (3H)
Đèn nền	LED
Độ sâu màu	1,07 triệu màu
Gam màu*	98% (tiêu chuẩn) DCI-P3



Kết nối	<ul style="list-style-type: none"> • 1 x DP1.4 (HDCP 2.2) (10-bit color @ 60 Hz) • 2 x HDMI 2.0 (HDCP 2.2) (10-bit @ 30 Hz) • 1 x cổng Thunderbolt™ 3 (90 W) (Giải pháp thay thế với DisplayPort 1.4, cổng upstream USB 3.2 Gen2 (10 Gbps) Siêu Tốc, công suất nguồn PD lên tới 90 W) • 1 x cổng upstream USB Type-B • 1 x cổng downstream USB Type -C (15 W), USB 3.2 Gen2 (10 Gbps) Siêu Tốc • 4 x USB Type-A 10 Gbps (USB 3.2 Gen2) Siêu Tốc • 1 x cổng USB Type-A 3.2 Gen2 Siêu Tốc với tính năng sạc BC1.2 ở mức 2 A (max) • 1 x cổng ra âm thanh Analog 2.0 (giắc cắm 3.5 mm) • 1 x RJ45
Chiều rộng viền (viền màn hình tiếp giáp vùng hiệu dụng)	
Trên cùng	11,3 mm
Trái/Phải	11,3 mm
Phía dưới	15,8 mm
Điều chỉnh	
Giá đỡ có thể điều chỉnh chiều cao	120 mm
Độ nghiêng	-5° đến 21°
Xoay	-30° đến 30°
Sắp xếp dây cáp	Có
Tương Thích Trình Quản Lý Màn Hình Dell (DDM)	Dễ Dàng Sắp Xếp và các tính năng chủ đạo khác
An toàn	Khe khóa an toàn (khóa cáp được bán riêng)

* Chỉ có ở bảng điều khiển bản địa, theo Chế Độ Tùy Biến có sẵn.

Thông số kỹ thuật độ phân giải

Dải quét ngang	27 kHz đến 133,286 kHz
Dải quét dọc	24 Hz đến 86 Hz
Độ phân giải cài sẵn tối đa	5120 x 2160 ở mức 60 Hz
Khả năng hiển thị video (có thể chuyển đổi HDMI & DP & Thunderbolt™ 3 (90 W))	480p, 560p, 720p, 1080i, 1080p



Chế độ hiển thị cài sẵn

Chế độ hiển thị	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Đồng hồ pixel (MHz)	Cực Đồng Bộ (Ngang/Dọc)
VESA, 720 x 400	31,50	70,00	28,30	-/+
VESA, 640 x 480	31,50	60,00	25,20	-/-
VESA, 640 x 480	37,50	75,00	31,50	-/-
VESA, 800 x 600	37,90	60,30	40,00	+/+
VESA, 800 x 600	46,90	75,00	49,50	+/+
VESA, 1024 x 768	48,40	60,00	65,00	-/-
VESA, 1024 x 768	60,00	75,00	78,80	+/+
VESA, 1152 x 864	67,50	75,00	108,00	+/+
VESA, 1280 x 800	49,70	60,00	83,50	+/+
VESA, 1280 x 1024	64,00	60,00	108,00	+/+
VESA, 1280 x 1024	80,00	75,00	135,00	+/+
VESA, 1600 x 1200	75,00	60,00	162,00	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,29	60,00	146,25	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,50	60,00	148,50	+/+
VESA, 1920 x 1200	74,04	60,00	154,00	+/-
VESA, 2048 x 1152	70,99	60,00	156,75	+/-
VESA, 2048 x 1280	78,92	60,00	174,25	+/-
VESA, 2560 x 1080	66,64	60,00	181,25	+/-
VESA, 1024 x 2160	133,24	60,00	157,75	+/-
VESA, 1280 x 2160	133,15	60,00	191,75	+/-
VESA, 2560 x 2160	133,27	60,00	362,50	+/-
VESA, 3840 x 2160	65,58	30,00	262,75	+/-
VESA, 3840 x 2160	135,00	60,00	594,00	+/-
VESA, 3840 x 2160	133,31	60,00	533,25	+/-
VESA, 4096 x 2160	65,67	30,00	279,50	+/-
VESA, 4096 x 2160	133,28	60,00	567,25	+/-
VESA, 5120 x 2160	65,72	30,00	347,00	+/-
VESA, 5120 x 2160	133,27	60,00	703,75	+/-



Thông số kỹ thuật điện

Tín hiệu đầu vào video	<ul style="list-style-type: none">• Tín hiệu video số cho từng cổng vi sai Theo từng cổng vi sai ở mức trở kháng 100 ohm• Hỗ trợ đầu vào tín hiệu DP/HDMI/Thunderbolt™ 3 (90 W)
Điện áp/tần số/dòng điện đầu vào	100-240 VAC / 50 hoặc 60 Hz \pm 3 Hz / 2,8 A (tối đa)
Dòng điện khởi động	120 V: 42 A (Max.) 240 V: 80 A (Max.)
Mức tiêu thụ điện	0,3 W (Chế Độ Tắt) ¹ 0,3 W (Chế Độ Chờ) ¹ 41,3 W (Chế Độ Bật) ¹ 240 W (Max) ² 44,81 W (P _{on}) ³ 140,86 kWh (TEC) ³

¹ Theo như được chỉ định tại EU 2019/2021 và EU 2019/2013.

² Cài đặt độ tương phản và độ sáng tối đa kèm theo đó là mức tải điện cao nhất trên tất cả các cổng USB.

³ P_{on}: Mức tiêu thụ điện năng khi ở Chế Độ Bật như nêu tại Energy Star 8.0.

TEC: Tổng mức tiêu thụ điện năng kWh như nêu tại Energy Star 8.0.

Tài liệu này chỉ dùng để thông tin và phản ánh hiệu suất hoạt động tại phòng thí nghiệm. Sản phẩm của bạn có thể hoạt động khác đi tùy theo phần mềm, phụ kiện và thiết bị ngoại vi mà bạn sử dụng, chúng tôi không có nghĩa vụ phải cập nhật các thông tin đó. Do đó, khách hàng không nên dựa vào thông tin này để đưa ra các quyết định về độ dung sai điện hoặc các yếu tố khác. Sự bảo đảm về độ chính xác hoặc hoàn chỉnh của sản phẩm cũng không được nêu rõ hay ngụ ý bởi chúng tôi.

 **LƯU Ý: Màn hình này được chứng nhận ENERGY STAR.**





Sản phẩm này đạt tiêu chuẩn ENERGY STAR khi hoạt động ở các cài đặt mặc định, có thể phục hồi các cài đặt đó bằng chức năng "cài đặt Mặc Định" trên menu OSD. Thay đổi các cài đặt mặc định hoặc kích hoạt các tính năng khác có thể làm tăng lượng tiêu thụ điện năng và làm vượt mức giới hạn ENERGY STAR.



Thông Số Kỹ Thuật của Loa

Công suất định mức của loa	2 x 9 W
Phản Hồi Tần Số	100 Hz - 20 kHz
Trở Kháng	8 ohm

Đặc điểm vật lý

Loại kết nối	<ul style="list-style-type: none">• Kết nối DP• Kết nối HDMI• Đầu cắm Thunderbolt™ 3 (90 W)• Cổng ra âm thanh• Đầu cắm RJ45• Đầu cắm downstream USB Type-C x 1 (Cổng có biểu tượng  hỗ trợ 5 V/3 A)• Đầu cắm cổng downstream USB Type-A 3.2 Gen2 x 4 (Cổng có biểu tượng pin  hỗ trợ BC 1.2.)
Loại cáp tín hiệu	<ul style="list-style-type: none">• Cáp DP - DP 1,8 m• Cáp HDMI 1,8m• Cáp USB 3.2 Gen1 (A - B) Siêu Tốc dài 1,8 m• Cáp Thunderbolt™ 4 (USB Type-C) dài 1,5 m
Kích thước (có giá đỡ)	
Chiều cao (mở rộng)	577,3 mm (22,73 in)
Chiều cao (thu gọn)	457,8 mm (18,02 in)
Chiều rộng	946,6 mm (37,27 in)
Độ dày	248,0 mm (9,76 in)
Kích thước (không có giá đỡ)	
Chiều cao	419,1 mm (16,50 in)
Chiều rộng	946,6 mm (37,27 in)
Độ dày	59,6 mm (2,35 in)
Kích thước giá đỡ	
Chiều cao (mở rộng)	438,3 mm (17,26 in)
Chiều cao (thu gọn)	391,5 mm (15,41 in)
Chiều rộng	334,5 mm (13,17 in)
Độ dày	248,0 mm (9,76 in)



Trọng lượng	
Trọng lượng cả bao bì	21,6 kg (47,62 lb)
Trọng lượng tính cả giá đỡ và dây cáp	13,8 kg (30,42 lb)
Trọng lượng không có phụ kiện giá đỡ (Các móc treo tường hoặc các móc treo theo tiêu chuẩn VESA - không dây cáp)	9,5 kg (20,94 lb)
Trọng lượng của bộ phận giá đỡ	4,3 kg (9,48 lb)

Đặc điểm môi trường

Các tiêu chuẩn phải tuân thủ	
<ul style="list-style-type: none"> • Màn hình được chứng nhận ENERGY STAR. • EPEAT đã được đăng ký nếu áp dụng. Đăng ký EPEAT khác nhau tùy từng quốc gia Xem www.epeat.net để biết trạng thái đăng ký tại từng quốc gia. • Màn hình được chứng nhận TCO. • Tuân thủ quy định RoHS. • Màn hình không sử dụng BFR/PVC (không bao gồm các cáp ngoài). • Đáp ứng các yêu cầu hiện hành về rò rỉ NFPA 99 • Phần kính không chứa asen và bảng điều khiển không chứa thủy ngân. 	
Nhiệt độ	
Hoạt động	0°C - 40°C (32°F - 104°F)
Không hoạt động	-20°C - 60°C (-4°F - 140°F)
Độ ẩm	
Hoạt động	10% đến 80% (không ngưng tụ)
Không hoạt động	5% đến 90% (không ngưng tụ)
Độ cao	
Hoạt động	5.000 m (16.404 ft) (tối đa)
Không hoạt động	12.192 m (40.000 ft) (tối đa)
Công suất tản nhiệt	818,91 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (tối đa) 140,92 BTU/giờ (Chế Độ Bật)



Video - Bảng Thông

Giao Diện Chủ	Cáp Video	Độ Phân Giải
USB-C (Alt Mode DP1.2)	Cáp USB-C Gen1	5120 x 2160 @ 30 Hz
	Cáp Thunderbolt™ 3 (40G)	
	Cáp Thunderbolt™ 4 (40G)	
USB-C (Alt Mode DP1.4)	Cáp USB-C Gen2	5120 x 2160 @ 60 Hz
	Cáp Thunderbolt™ 3 (40G)	5120 x 2160 @ 60 Hz
	Cáp Thunderbolt™ 4 (40G)	5120 x 2160 @ 60 Hz
TBT3 (Alt Mode DP1.2)	Cáp Thunderbolt™ 3 (40G)	5120 x 2160 @ 30 Hz
	Cáp Thunderbolt™ 4 (40G)	
TBT3 (Alt Mode DP1.4)	Cáp Thunderbolt™ 3 (40G)	5120 x 2160 @ 60 Hz
	Cáp Thunderbolt™ 4 (40G)	
HDMI 2.0	Cáp HDMI 2.0	5120 x 2160 @ 30 Hz
HDMI 1.4	Cáp HDMI 2.0	3840 x 2160 @ 30 Hz

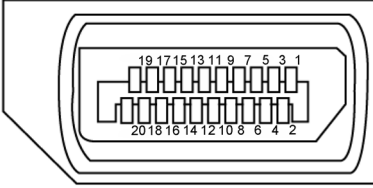
USB - Bảng Thông

Giao Diện Chủ	Cáp Upstream USB	Thiết Bị USB được kết nối với Cổng Downstream USB-A hoặc C
USB-A (5 Gbps)	Cáp A-C	Được hỗ trợ, USB 2.0/3.2 Gen1
	Cáp A-B	
USB-C (Dữ Liệu Chỉ 5 Gbps)	Cáp USB-C Gen1/2	Được hỗ trợ, USB 2.0/3.2 Gen1
	Cáp Thunderbolt™ 4 (40G)	
	Cáp Thunderbolt™ 3 (40G)	Được hỗ trợ, chỉ USB 2.0
USB-C (Alt Mode DP1.2)	Cáp USB-C Gen1/2	Được hỗ trợ, chỉ USB 2.0
	Cáp Thunderbolt™ 3 (40G)	
	Cáp Thunderbolt™ 4 (40G)	
USB-C (Alt Mode DP1.4)	Cáp USB-C Gen1/2	Được hỗ trợ, chỉ USB 2.0
	Cáp Thunderbolt™ 3 (40G)	
	Cáp Thunderbolt™ 4 (40G)	
TBT3	Cáp Thunderbolt™ 3 (40G)	Được hỗ trợ, USB3.2 Gen2
	Cáp Thunderbolt™ 4 (40G)	



Cách gán châu cắm

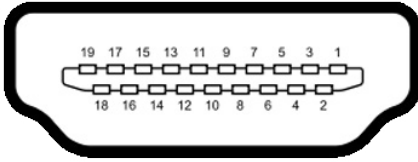
Cổng DP (vào)



Mã Châu Cắm	Phần có 20 châu cắm của cáp tín hiệu kết nối
1	ML3(n)
2	GND
3	ML3(p)
4	ML2(n)
5	GND
6	ML2(p)
7	ML1(n)
8	GND
9	ML1(p)
10	ML0(n)
11	GND
12	ML0(p)
13	CONFIG1
14	CONFIG2
15	AUX CH (p)
16	GND
17	AUX CH (n)
18	Phát Hiện Ổ Cắm Nóng
19	Quay Lại
20	DP_PWR



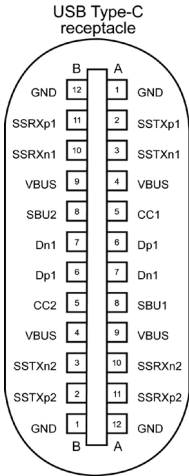
Cổng HDMI



Mã Chấu Cắm	Phần có 19 chấu cắm của cáp tín hiệu kết nối
1	DỮ LIỆU TMDS 2+
2	MÀNG CHẮN DỮ LIỆU TMDS 2
3	DỮ LIỆU TMDS 2-
4	DỮ LIỆU TMDS 1+
5	MÀNG CHẮN DỮ LIỆU TMDS 1
6	DỮ LIỆU TMDS 1-
7	DỮ LIỆU TMDS 0+
8	MÀNG CHẮN DỮ LIỆU TMDS 0
9	DỮ LIỆU TMDS 0-
10	ĐỒNG HỒ TMDS+
11	MÀNG CHẮN ĐỒNG HỒ TMDS
12	ĐỒNG HỒ TMDS-
13	CEC
14	Đã đăng ký (N.C. trên thiết bị)
15	ĐỒNG HỒ DDC (SCL)
16	DỮ LIỆU DDC (SDA)
17	DDC/CEC Ground
18	NGUỒN ĐIỆN +5 V
19	PHÁT HIỆN Ổ CẮM NÓNG



Cổng Thunderbolt™ 3 (USB Type-C)






typically connected to a charger through a Type-C cable

Chấu cắm	Tín hiệu	Chấu cắm	Tín hiệu
A1	GND	B12	GND
A2	SSTXp1	B11	SSRXp1
A3	SSTXn1	B10	SSRXn1
A4	VBUS	B9	VBUS
A5	CC1	B8	SBU2
A6	Dp1	B7	Dn1
A7	Dn1	B6	Dp1
A8	SBU1	B5	CC2
A9	VBUS	B4	VBUS
A10	SSRXn2	B3	SSTXn2
A11	SSRXp2	B2	SSTXp2
A12	GND	B1	GND





Buýt Nối Tiếp Đa Năng (USB)


Phần này giúp bạn có thêm thông tin về các cổng USB có sẵn trên màn hình của mình.

 **LƯU Ý: Cổng downstream USB tối đa 2A (cổng có biểu tượng pin  có các thiết bị tương thích với chuẩn BC 1.2; lên tới 1,0 A trên 2 cổng downstream USB khác; Lên tới 3A trên cổng downstream USB (cổng có biểu tượng ) với các thiết bị tương thích 5 V/3 A .**

Máy tính của bạn có các cổng USB sau đây:

- 5 cổng downstream - 3 ở dưới và 2 phía tiếp cận nhanh
- 1 upstream

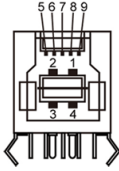
Cổng sạc điện - các cổng có biểu tượng pin  hỗ trợ sạc nhanh nếu thiết bị tương thích với chuẩn BC 1.2. Cổng downstream USB Type-C có biểu tượng  hỗ trợ sạc nhanh nếu thiết bị tương thích với chuẩn 5V/3A .

 **LƯU Ý: Các cổng USB trên màn hình chỉ hoạt động khi màn hình đang được bật hoặc ở chế độ chờ. Ở chế độ chờ, nếu cáp USB (Type-C - Type-C) được cắm, các cổng USB có thể hoạt động bình thường. Ngược lại, cần phải làm theo các hướng dẫn cài đặt USB của OSD, nếu cài đặt là “Bật ở Chế Độ Chờ”, USB sẽ hoạt động bình thường, nếu là cài đặt khác, USB sẽ không hoạt động. Nếu bạn tắt và bật lại màn hình, các thiết bị ngoại vi cắm vào sẽ mất vài giây để hoạt động bình thường trở lại.**

Tốc Độ Truyền Dữ Liệu	Tốc độ dữ liệu	Mức Tiêu Thụ Điện Năng Tối Đa (ở từng cổng)
USB 3.2 Gen2 Siêu Tốc	10 Gbps	4,5 W
USB 3.2 Gen1 Siêu Tốc	5 Gbps	4,5 W
Hi-Speed	480 Mbps	2,5 W
Full speed	12 Mbps	2,5 W

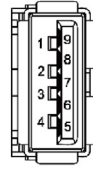


Cổng USB upstream



Mã Chấu Cắm	Tên tín hiệu
1	VBUS
2	D-
3	D+
4	GND
5	StdB_SSTX-
6	StdB_SSTX+
7	GND_DRAIN
8	StdB_SSRX-
9	StdB_SSRX+
Vỏ	Tấm Bảo Vệ

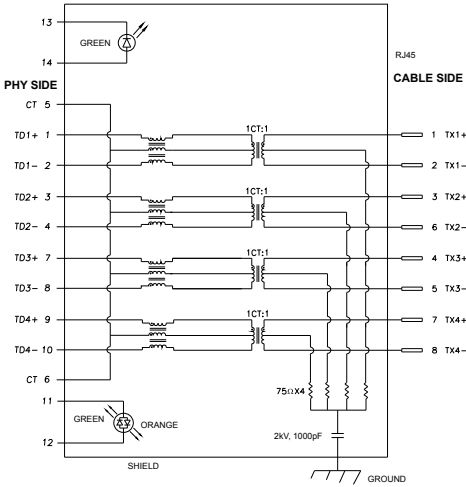
Cổng USB downstream



Mã Chấu Cắm	Tên tín hiệu
1	VBUS
2	D-
3	D+
4	GND
5	StdA_SSRX-
6	StdA_SSRX+
7	GND_DRAIN
8	StdA_SSTX-
9	StdA_SSTX+
Vỏ	Tấm Bảo Vệ



Cổng RJ45 (phía bảng kết nối)



Chấu cắm	Tín hiệu	Chấu cắm	Tín hiệu
1	TD1 +	8	TD3 -
2	TD1 -	9	TD4 +
3	TD2 +	10	TD4 -
4	TD2 -	11	GREEN_ ORANGE
5	CT	12	GREEN_ ORANGE
6	CT	13	GREEN
7	TD3 +	14	GREEN

Cài đặt driver

Cài đặt Realtek USB GBE Ethernet Controller Driver khả dụng với hệ thống của bạn. Có thể tải về từ www.dell.com/support trong mục “Driver and download”.


Tốc độ dữ liệu mạng (RJ45) thông qua USB-C đạt tốc độ tối đa là 1000 Mbps.

LƯU Ý: Cổng LAN này đạt tiêu chuẩn 1000Base-T IEEE 802.3az, hỗ trợ Mac Address (Được in trên nhãn model) Pass-thru, Wake-on-LAN (WOL) từ chế độ chờ (chỉ có trên S3) và chức năng PXE Boot, cả 3 tính năng này phụ thuộc vào cài đặt BIOS và phiên bản hệ điều hành.



Trạng thái đèn LED Đầu Cắm RJ45:

LED	Màu sắc	Mô Tả
LED Đỏ	Màu hổ phách hoặc Màu xanh	Chỉ báo tốc độ: <ul style="list-style-type: none">• Hổ Phách Sáng - 1000 Mbps• Xanh Sáng - 100 Mbps• Tắt - 10 Mbps
LED bên trái	Xanh lá cây	Chỉ Báo Hoạt Động / Kết Nối: <ul style="list-style-type: none">• Nhấp Nháy - Có hoạt Động trên cổng.• Sáng Xanh - Kết nối đang được thiết lập.• Tắt - Kết nối không được thiết lập.

 **LƯU Ý:** Cáp RJ45 không phải là phụ kiện tiêu chuẩn đi kèm với sản phẩm.

Cắm và Chạy

Bạn có thể lắp đặt màn hình vào bất kỳ hệ thống nào tương thích với chuẩn Cắm và Chạy (Plug and Play). Màn hình tự động cung cấp cho hệ thống máy tính Dữ Liệu Nhận Dạng Màn Hình Mở Rộng (EDID) liên quan qua các giao thức Kênh Dữ Liệu Hiển Thị (DDC) để hệ thống có thể tự định cấu hình và tối ưu hóa các cài đặt màn hình. Phần lớn các cài đặt màn hình đều là tự động; bạn có thể chọn các cài đặt khác nếu muốn. Để biết thêm thông tin về cách đổi cài đặt màn hình, vui lòng xem [Sử Dụng Màn Hình](#).

Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình LCD

Trong quá trình sản xuất màn hình LCD không hiếm gặp tình trạng một hoặc nhiều điểm ảnh trở nên cố định ở một trạng thái không thay đổi vốn rất khó nhận biết vì không ảnh hưởng đến chất lượng hiển thị hoặc khả năng sử dụng màn hình. Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Màn Hình LCD, hãy xem trang Hỗ Trợ của Dell tại: www.dell.com/pixelguidelines.



Phù hợp cơ địa

△ CHÚ Ý: Sử dụng bàn phím không đúng cách hoặc lâu có thể sẽ dẫn đến chấn thương.

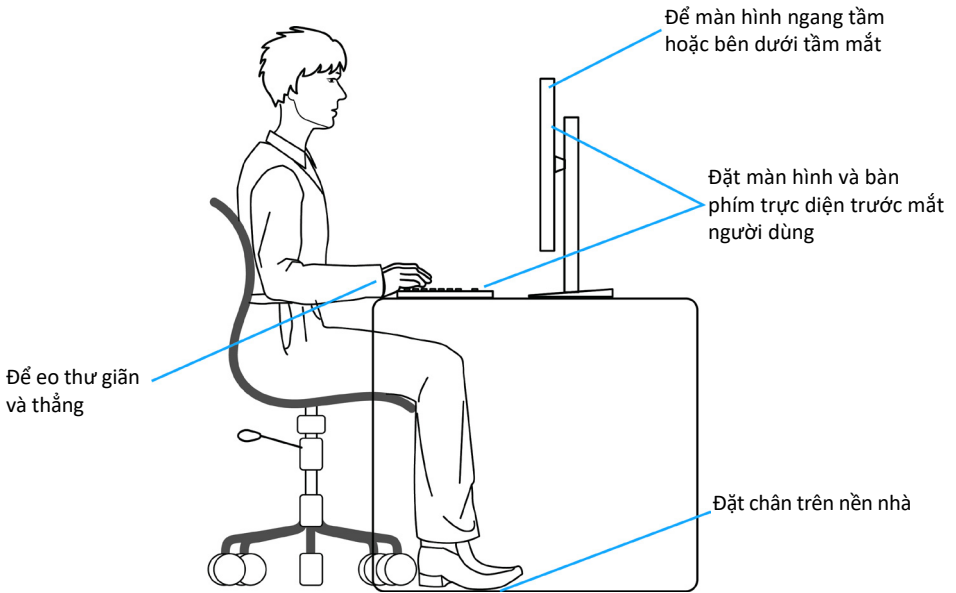
△ CHÚ Ý: Nhìn màn hình lâu có thể sẽ dẫn đến nhức mỏi mắt.

Để thoải mái và hiệu quả khi sử dụng, cần tuân thủ các hướng dẫn sau đây khi cài đặt và khi vận hành hệ thống làm việc trên máy tính của bạn:

- Đặt để máy tính sao cho màn hình và bàn phím nằm đối diện ngay phía trước bạn khi làm việc. Trên thị trường có bán các loại kệ đặc biệt để giúp bạn đặt bàn phím đúng vị trí.
- Để giảm nguy cơ nhức mỏi mắt và đau cổ/tay/lưng/vai do sử dụng màn hình trong thời gian dài, chúng tôi đề xuất bạn:
 1. Đặt màn hình cách tầm mắt của bạn khoảng 20 - 28 inch (50 ~ 70cm).
 2. Nháy mắt thường xuyên để làm ẩm mắt hoặc làm ướt mắt bằng giấy ướt sau khi sử dụng trong thời gian dài.
 3. Nghỉ giải lao thường xuyên khoảng 20 phút sau mỗi hai tiếng.
 4. Không nhìn vào màn hình của bạn và nhìn tập trung vào một vật thể ở xa 20 foot trong vòng ít nhất 20 giây trong giờ giải lao.
 5. Thực hiện duỗi thẳng tay chân để làm giảm căng thẳng ở cổ, tay, lưng, vai trong giờ giải lao.
- Màn hình phải ở ngang tầm mắt hoặc thấp hơn đôi chút khi bạn ngồi đối diện.
- Điều chỉnh độ nghiêng, độ tương phản và độ sáng của màn hình.
- Điều chỉnh ánh sáng xung quanh (ví dụ như đèn phía trên đầu, đèn bàn, rèm cửa ở gần cửa sổ) để giảm độ phản chiếu và lóa sáng trên màn hình.
- Ghế phải có tựa lưng để giúp bạn thoải mái khi ngồi.
- Cẳng tay phải nằm ngang, cổ tay phải linh hoạt ở vị trí sao cho thoải mái khi sử dụng bàn phím hoặc chuột.
- Phải luôn có khoảng trống đủ để đặt bàn tay lên khi sử dụng bàn phím hoặc chuột.
- Nửa hai cánh tay trên phải được thoải mái tự nhiên nhất.
- Phải đảm bảo rằng phần sàn để chân của bạn phải phẳng.
- Khi ngồi, cần đảm bảo trọng lượng của cẳng chân được dồn lên bàn chân chứ không phải duỗi thẳng và co lên phía trước. Điều chỉnh chiều cao ghế hoặc có thể sử dụng phụ kiện kê chân để có được tư thế phù hợp.
- Đa dạng hóa các hoạt động của bạn. Cần sắp xếp công việc sao cho bạn không nhất thiết phải ngồi và làm việc trong thời gian dài. Nên đứng hoặc đi lại thường xuyên theo chu kỳ định sẵn.



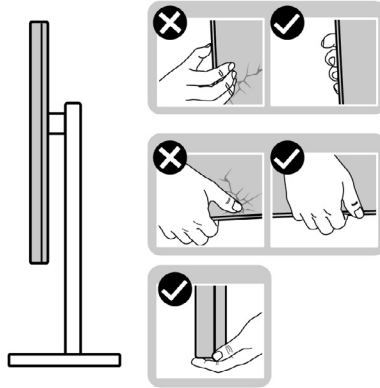
- Phía dưới bàn cần thoáng, không có vật cản, không có dây cáp hoặc dây nguồn để không làm ảnh hưởng đến tư thế ngồi thoải mái hoặc cũng để không gây rủi ro bị ngắt nguồn ngoài ý muốn.



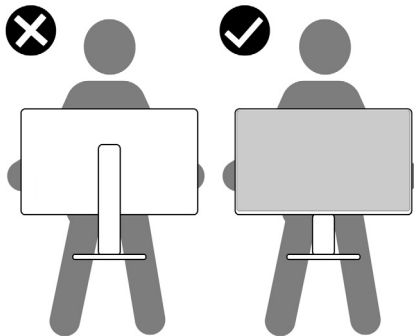
Xử lý và di chuyển màn hình của bạn

Để xử lý màn hình an toàn khi nâng hoặc di chuyển, cần tuân thủ các hướng dẫn dưới đây:

- Trước khi di chuyển hoặc nâng màn hình, cần tắt máy tính và màn hình.
- Rút các dây cáp ra khỏi màn hình.
- Đặt màn hình vào hộp đựng ban đầu có sẵn các phụ kiện đóng gói như lúc nhận hàng.
- Cầm chắc phần cạnh phía dưới và cạnh bên của màn hình, không được tạo lực tác động quá mạnh khi nâng hoặc di chuyển màn hình.



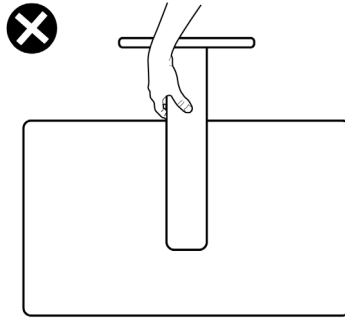
- Khi nâng hoặc di chuyển màn hình, cần đảm bảo màn hình quay ra ngoài, không được ép lực vào phần diện tích hiển thị để tránh bị xước hoặc hỏng.



- Khi vận chuyển màn hình, tránh không được để sốc hoặc rung lắc đột ngột.



- Khi nâng hoặc di chuyển màn hình, không được lật ngược màn hình trong khi đang cầm nắm phần giá đỡ hoặc khung giá đỡ. Nếu không, có thể làm hỏng màn hình hoặc gây chấn thương.



Hướng dẫn bảo dưỡng

Vệ sinh màn hình của bạn

⚠ CẢNH BÁO: Trước khi vệ sinh màn hình, hãy rút cáp nguồn màn hình ra khỏi ổ cắm điện.

⚠ CHÚ Ý: Đọc và thực hiện theo **Các hướng dẫn an toàn** trước khi vệ sinh màn hình.



Để có thông lệ thực hành tốt nhất, thực hiện theo các hướng dẫn trong danh sách dưới đây khi mở thùng đựng, vệ sinh hay cầm nắm màn hình của bạn:

- Để vệ sinh màn hình chống tĩnh điện, thấm ẩm khăn mềm sạch. Nếu có thể, nên dùng giấy lụa hoặc dung dịch vệ sinh màn hình chuyên dụng để lau lớp phủ khử tĩnh điện. Không sử dụng benzen, chất pha loãng, amoniac, chất tẩy ăn mòn hoặc khí nén.
- Dùng khăn mềm ẩm để lau sạch màn hình. Tránh sử dụng bất kỳ loại chất tẩy rửa nào vì một số chất tẩy rửa sẽ để lại lớp màng đục trên màn hình.
- Nếu bạn nhìn thấy chất bột trắng khi mở thùng đựng màn hình, hãy dùng khăn lau sạch.
- Cầm nắm màn hình cẩn thận vì màn hình màu tối có thể bị trầy xước và dễ nhìn thấy các vết xước màu trắng hơn màn hình màu sáng.
- Để giúp màn hình duy trì chất lượng hình ảnh tối ưu nhất, sử dụng chế độ bảo vệ màn hình tự động thay đổi và tắt nguồn màn hình khi không sử dụng.



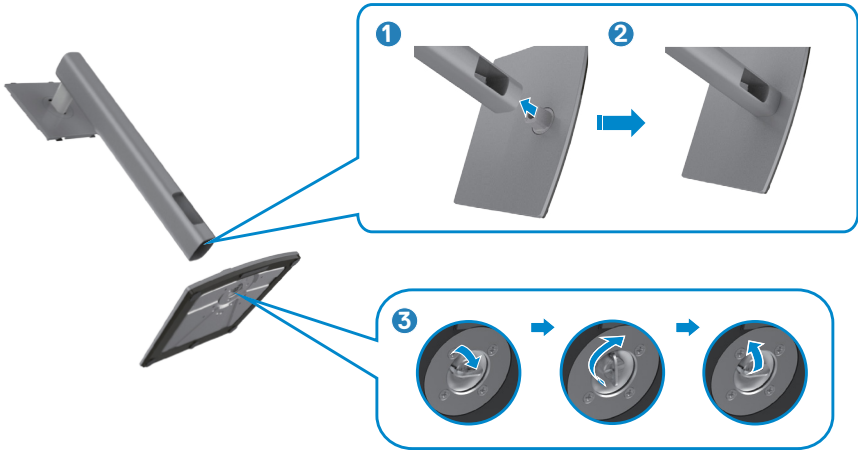
Lắp đặt màn hình

Lắp giá đỡ

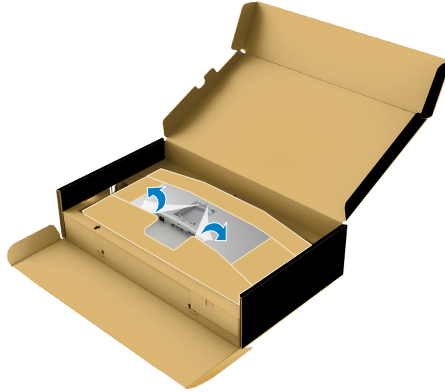
-  **LƯU Ý:** Khung giá đỡ và giá đỡ được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.
-  **LƯU Ý:** Làm theo các hướng dẫn sau đây nếu có giá đỡ được gửi kèm với màn hình của bạn. Nếu lắp giá đỡ mua từ nhà cung cấp khác, cần làm theo các hướng dẫn của giá đỡ đó.

Để lắp giá đỡ màn hình:

1. Căn chỉnh và đặt khung giá đỡ vào giá đỡ.
2. Mở nắp vít ở phía dưới của giá đỡ và vặn theo chiều kim đồng hồ để cố định.
3. Đóng nắp vít.



4. Tháo lớp bảo vệ trên màn hình để thấy khe VESA.



5. Trượt mẫu trên khung giá đỡ vào các khe tương ứng ở phía nắp sau của màn hình, ấn nhẹ để vào khớp.

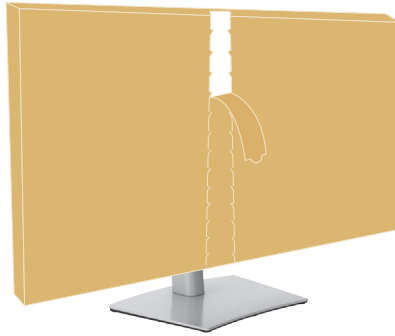


6. Cầm vào khung giá đỡ và nâng màn hình cẩn thận, sau đó đặt lên bề mặt phẳng.



LƯU Ý: Cầm thật chắc khung giá đỡ khi nâng màn hình để tránh các hỏng hóc ngoài ý muốn.

7. Tháo giấy lót ra khỏi màn hình.

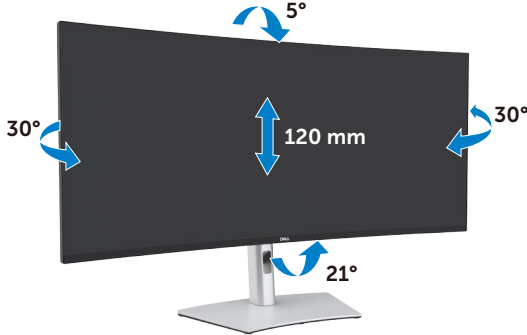


Sử Dụng Phụ Kiện Mở Rộng Chỉnh Nghiêng, Xoay Vòng và Chỉnh Dọc

LƯU Ý: Làm theo các hướng dẫn sau đây nếu có giá đỡ được gửi kèm với màn hình của bạn. Nếu lắp giá đỡ mua từ nhà cung cấp khác, cần làm theo các hướng dẫn của giá đỡ đó.

Phụ Kiện Mở Rộng Chỉnh Nghiêng, Xoay Vòng và Chỉnh Dọc

Sau khi lắp giá đỡ cho màn hình, bạn có thể nghiêng màn hình để có góc nhìn thoải mái nhất.



LƯU Ý: Giá đỡ được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.



Kết nối Màn Hình Của Bạn

⚠ CẢNH BÁO: Trước khi bắt đầu bất cứ quy trình nào ở phần này, hãy làm theo [Hướng Dẫn An Toàn](#).

Để kết nối màn hình với máy vi tính:

1. Tắt máy tính của bạn.
2. Cắm cáp DisplayPort hoặc HDMI và cáp Thunderbolt™ 4 (USB Type-C) USB từ màn hình vào máy tính.
3. Tắt màn hình của bạn.
4. Chọn đúng nguồn đầu vào trên menu OSD của màn hình và bật máy tính.

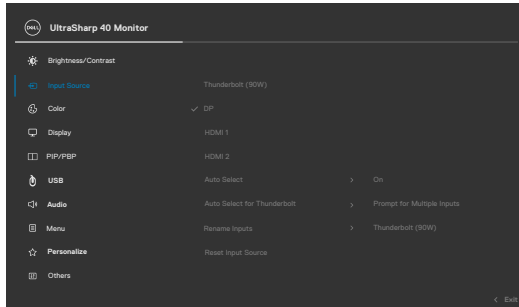
📌 LƯU Ý: Cài đặt mặc định U4021QW là DisplayPort 1.4. Card Đồ Họa DisplayPort 1.1 có thể sẽ không hiển thị bình thường. Vui lòng xem “[sự cố sản phẩm – Không hiển thị hình ảnh khi kết nối Thunderbolt™ với máy tính](#)” để đổi cài đặt mặc định.

Kết nối cáp HDMI

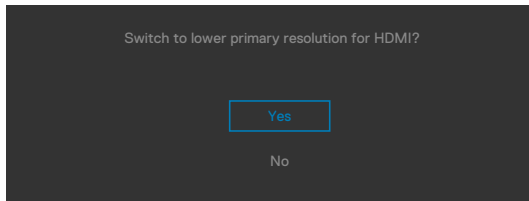


Chuyển đổi sang độ phân giải thấp hơn / cao hơn

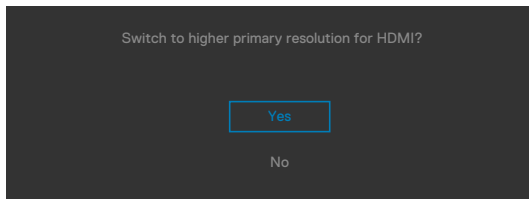
1. Nhấn nút điều khiển để mở menu chính của OSD.
2. Di chuyển phím điều khiển để chọn **input source (nguồn đầu vào)**.



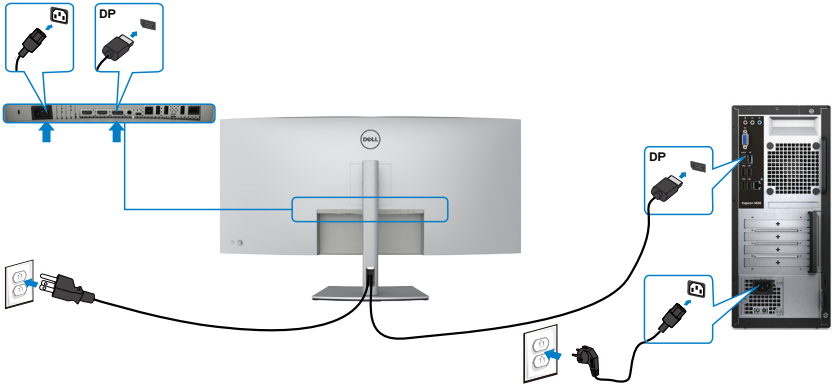
3. Di chuyển phím điều khiển lên hoặc xuống để chọn **HDMI 1/HDMI 2**, nhấn và giữ phím điều khiển 8 Giây, thông báo sau đây sẽ hiện ra:



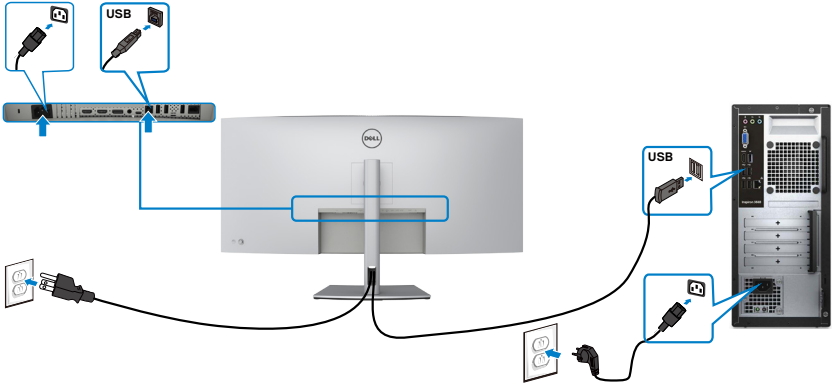
4. Chọn **Yes (Có)** để chuyển đổi từ HDMI 2.0 (mặc định) sang HDMI 1.4 (hoặc chọn Không để hủy thao tác này).
5. Lặp lại bước 3 và 4 để chuyển từ HDMI 1.4 sang HDMI 2.0.



Kết nối cáp DP



Kết nối cáp USB



Kết nối cáp Thunderbolt™ 4 (USB Type-C)



Cổng Thunderbolt™ 3 (90 W) trên màn hình của bạn:

- Có thể được sử dụng luân phiên như là cổng Thunderbolt™ 3 hoặc DisplayPort 1.4.
- Hỗ trợ Cấp Nguồn USB (PD), với công suất lên tới 90 W.

LƯU Ý: Bất kể laptop của bạn có mức tiêu thụ điện năng thực tế/yêu cầu nguồn điện nào, hoặc thời lượng pin còn lại là bao nhiêu, màn hình Dell U4021QW được thiết kế để cấp nguồn lên tới 90W cho laptop của bạn.

Định mức điện (trên các laptop có Thunderbolt™ 3 (90 W) tích hợp tính năng cấp nguồn PowerDelivery)	Nguồn sạc tối đa
45 W	45 W
65 W	65 W
90 W	90 W
130 W	Không hỗ trợ

Kết nối màn hình qua Cáp RJ45 (Tùy chọn)



Xếp gọn dây cáp



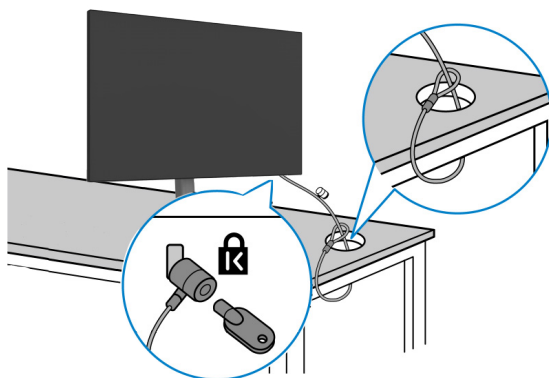
Sau khi cắm hết dây cáp cần thiết vào màn hình và máy tính, (xem [Kết Nối Máy Tính Của Bạn](#) để cắm cáp) cần xếp gọn các dây cáp như minh họa trên đây.


Cố định màn hình bằng khóa Kensington (tùy chọn)

Khe khóa an toàn được bố trí ở phía dưới màn hình. (Xem [Khe khóa an toàn](#))

Để biết thêm thông tin về cách sử dụng khóa Kensington (mua lẻ), vui lòng xem hướng dẫn gửi kèm khóa.

Cố định màn hình trên bàn bằng khóa an toàn Kensington.



 **LƯU Ý:** Hình ảnh chỉ để minh họa. Hình dạng của khóa có thể sẽ khác.

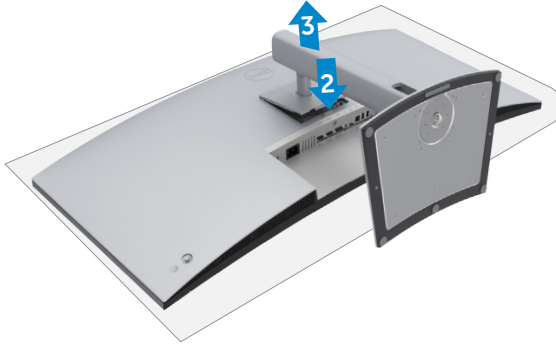


Tháo giá đỡ màn hình

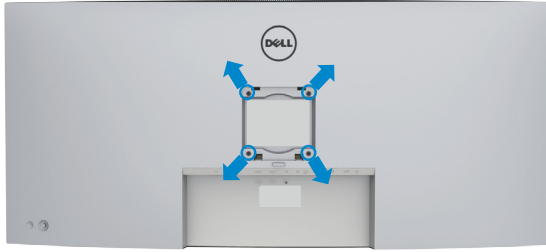
- △ CHÚ Ý: Để tránh màn hình LCD bị trầy xước trong khi tháo giá đỡ, phải đặt màn hình trên bề mặt mềm và sạch sẽ.
- 📌 LƯU Ý: Làm theo các hướng dẫn sau đây nếu có giá đỡ được gửi kèm với màn hình của bạn. Nếu lắp giá đỡ mua từ nhà cung cấp khác, cần làm theo các hướng dẫn của giá đỡ đó.

Để tháo giá đỡ:

1. Đặt màn hình lên khăn mềm hoặc đệm.
2. Giữ ấn nút nhả giá đỡ.
3. Nhấc giá đỡ lên và tháo ra khỏi màn hình.



Treo Tường (Tùy chọn)



LƯU Ý: Sử dụng các vít M4 x 10 mm để kết nối màn hình với bộ treo tường.

Xem hướng dẫn kèm theo bộ treo tường chuẩn VESA.


1. Đặt màn hình lên khăn mềm hoặc đệm trên bề mặt bàn chắc chắn và phẳng.
2. Tháo giá đỡ.
3. Dùng tuốc-nơ-vít bốn cạnh của Phillips để tháo bốn vít trên lớp vỏ nhựa.
4. Lắp khung treo từ bộ treo tường vào màn hình.
5. Treo màn hình lên tường theo hướng dẫn kèm theo bộ treo tường.

LƯU Ý: Chỉ sử dụng kèm theo khung treo tường theo chỉ định UL hoặc CSA hoặc GS trong đó trọng lượng/tải trọng tối thiểu là 38 kg (83,76 lb).



Sử dụng màn hình

Bật nguồn màn hình




Nhấn nút  để bật màn hình.

Dùng phím điều khiển

Dùng phím điều khiển ở phía sau của màn hình để điều chỉnh OSD.



1. Nhấn nút điều khiển để mở menu chính của OSD.
2. Di chuyển phím điều khiển lên/xuống/trái/phải để chuyển tiếp giữa các tùy chọn.
3. Nhấn lại phím điều khiển để xác nhận cài đặt và thoát.

Phím điều khiển	Mô Tả
	<ul style="list-style-type: none">• Khi bật menu OSD, nhấn nút để xác nhận lựa chọn hoặc lưu cài đặt.• Khi tắt menu OSD, nhấn nút để mở menu chính của OSD. Xem Truy cập menu hệ thống.
	<ul style="list-style-type: none">• Để chuyển hướng 2 chiều (phải và trái).• Di chuyển sang phải để vào menu phụ.• Di chuyển sang trái để thoát menu phụ.• Tăng (phải) hoặc giảm (trái) các thông số của mục menu được chọn
	<ul style="list-style-type: none">• Để chuyển hướng 2 chiều (lên và xuống).• Chuyển đổi giữa các mục menu.• Tăng (lên) hoặc giảm (xuống) các thông số của mục menu được chọn.



Dùng các nút điều khiển ở phía sau của màn hình để điều chỉnh các cài đặt màn hình. Khi sử dụng các nút này để điều chỉnh các cài đặt, OSD sẽ hiển thị các giá trị điều chỉnh dạng số của từng tính năng khi thay đổi.



	Tùy chọn	Mô Tả
1	 Phím tắt: Menu	Dùng nút Menu này để bật hiển thị trên màn hình (OSD) và chọn menu OSD.
2	 Phím tắt: Âm lượng	Chức năng này điều chỉnh âm lượng của các loa tích hợp.
3	 Phím tắt: Nguồn Đầu Vào	Dùng nút này để chọn từ danh sách Nguồn Đầu Vào .
4	 Phím tắt: Chế độ có sẵn	Dùng nút này để chọn từ danh sách các chế độ màu cài sẵn .
5	 Phím tắt: Độ sáng/Độ tương phản	Để truy cập thẳng vào thanh trượt điều chỉnh Độ sáng/Độ tương phản .
6	 Phím tắt: PIP/PBP	Dùng nút này để chọn từ danh sách PIP/PBP .
7	 Thoát	Sử dụng nút này để quay lại menu chính hoặc thoát menu chính OSD.

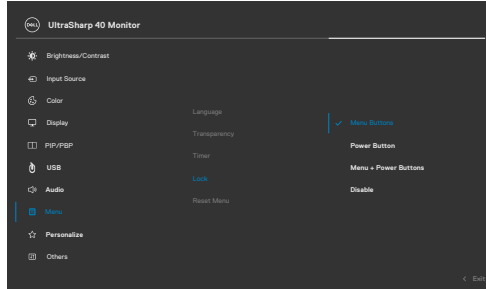


Sử dụng chức năng Khóa OSD

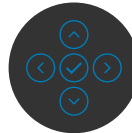
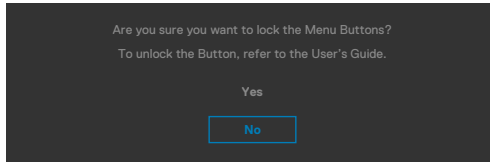
Bạn có thể khóa các nút điều khiển phía trước để tránh truy cập vào menu OSD và/hoặc nút nguồn.

Chọn menu Khóa để khóa (các) nút.

1. Chọn một trong các tùy chọn sau.



2. Thông báo sau đây sẽ hiện ra.

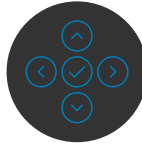
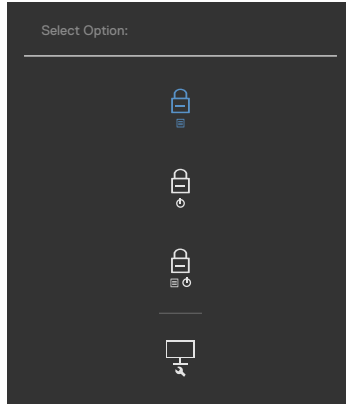


3. Chọn **Yes (Có)** để khóa các nút. Sau khi khóa, ấn nút bất kỳ sẽ hiển thị biểu tượng khóa







Dùng nút Điều Khiển để khóa (các) nút.

Ấn và giữ nút trái của Nút điều khiển trong vòng bốn giây, sẽ có một menu hiện ra trên màn hình.



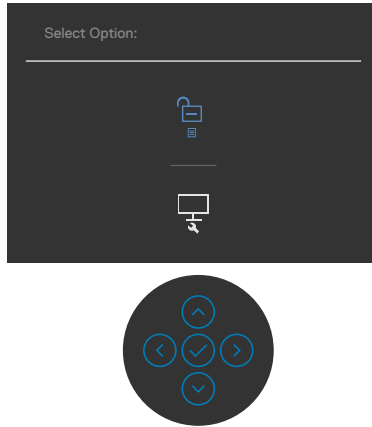
Chọn một trong các tùy chọn sau:




Tùy chọn	Mô Tả
1  Khóa Nút Menu	Dùng tùy chọn này để khóa chức năng menu OSD.
2  Khóa Nút Nguồn	Dùng tùy chọn này để khóa nút nguồn. Như thế người dùng sẽ không vô tình tắt màn hình bằng nút nguồn.
3  Khóa Nút Menu và Nút Nguồn	Dùng tùy chọn này để khóa menu OSD và dùng nút nguồn để tắt màn hình.
4  Chẩn Đoán Tích Hợp	Sử dụng tùy chọn này để bật chế độ chẩn đoán tích hợp, xem Chẩn Đoán Tích Hợp .



Để mở khóa (các) nút.

Ấn và giữ nút trái của Núm điều khiển trong vòng bốn giây cho đến khi có một menu hiện ra trên màn hình. Bảng sau đây mô tả các tùy chọn để mở khóa các nút điều khiển phía trước.

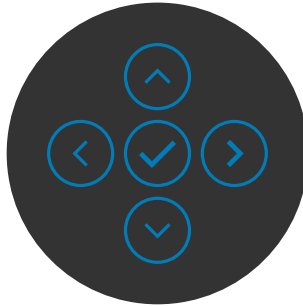







Tùy chọn	Mô Tả
1  Mở khóa Nút Menu	Dùng tùy chọn này để mở khóa chức năng menu OSD.
2  Mở khóa Nút Nguồn	Dùng tùy chọn này để mở khóa nút nguồn để tắt màn hình.
3  Mở khóa Nút Nguồn và Menu	Dùng tùy chọn này để mở khóa menu OSD và dùng nút nguồn để tắt màn hình.



Nút Phía Trước

Sử dụng các nút điều khiển ở phía trước màn hình để điều chỉnh hình ảnh đang hiển thị.




Nút Điều Khiển ở Mặt Trước		Mô Tả
1	  Lên Xuống	Dùng nút Lên (tăng) và Xuống (giảm) để điều chỉnh các mục trong menu OSD.
2	 Trước đó	Sử dụng nút Trước Đó để quay lại menu trước đó
3	 Tiếp theo	Sử dụng nút Tiếp Theo để xác nhận lựa chọn của bạn.
4	 Tick	Sử dụng nút Tick để xác nhận lựa chọn của bạn.



Sử dụng menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD)

Truy cập menu hệ thống

Biểu tượng	Menu và Menu Con	Mô Tả
	Độ sáng/Độ tương phản	Dùng menu này để điều chỉnh Brightness/Contrast (Độ Sáng/Độ Tương Phản) .



Độ sáng

Brightness (Độ sáng) giúp chỉnh độ sáng của đèn nền.

(tối thiểu 0; tối đa 100).

Di chuyển phím điều khiển lên để tăng độ sáng.

Di chuyển phím điều khiển xuống để giảm độ sáng.

Độ tương phản

Chỉnh **Brightness (Độ sáng)** trước rồi chỉnh **Contrast (Độ tương phản)** chỉ khi cần phải chỉnh thêm.

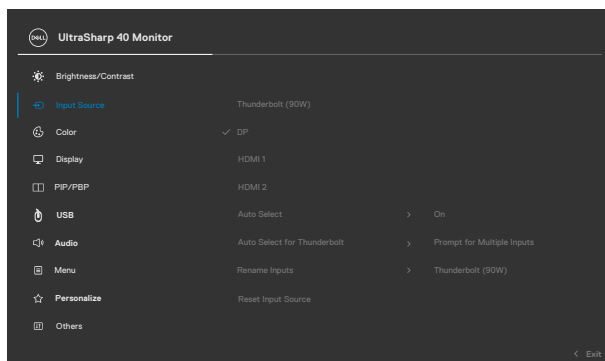
Di chuyển phím điều khiển lên để tăng độ tương phản và Di chuyển phím điều khiển xuống để giảm độ tương phản (từ 0 đến 100).

Chức năng **Contrast (Độ tương phản)** cho phép chỉnh các mức độ khác nhau giữa sáng và tối trên màn hình.





Nguồn Đầu Vào Dùng menu **Input Source (Nguồn Đầu Vào)** để chuyển đổi giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình của bạn.



Thunderbolt™ (90W)

Chọn **Thunderbolt™ (90 W)** khi bạn đang sử dụng đầu cắm **Thunderbolt™ 3 (90 W)**. Nhấn phím điều khiển để xác nhận tùy chọn.

DP

Chọn đầu vào **DP** khi bạn đang sử dụng kết nối **DP (DisplayPort)**. Nhấn phím điều khiển để xác nhận tùy chọn.

HDMI 1

Chọn đầu vào **HDMI 1** khi bạn đang sử dụng đầu cắm HDMI. Nhấn phím điều khiển để xác nhận tùy chọn.


HDMI 2

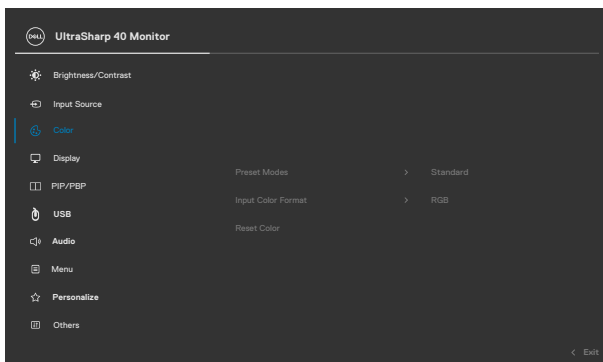
Chọn đầu vào **HDMI 2** khi bạn đang sử dụng đầu cắm HDMI. Nhấn phím điều khiển để xác nhận tùy chọn.

Tự động chọn

Bật chức năng này để màn hình tự động quét các nguồn đầu vào khả dụng. Nhấn phím điều khiển để xác nhận tùy chọn.

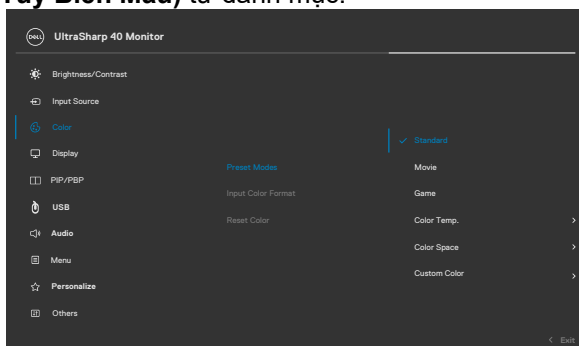


Biểu tượng	Menu và Menu Con	Mô Tả
	Tự Động Chọn Thunderbolt™	Cho phép bạn cài chế độ Tự Động Chọn Thunderbolt™ để: <ul style="list-style-type: none"> • Thông Báo Nhiều Tín Hiệu Đầu Vào: luôn hiển thị thông báo Chuyển Đổi sang Đầu Vào Video Thunderbolt™ để người dùng quyết định có chọn hay không. • Có: Màn hình luôn chuyển sang video Thunderbolt™ mà không cần hỏi khi kết nối Thunderbolt™ 3. • Không: Màn hình sẽ KHÔNG chuyển sang video Thunderbolt™ từ đầu vào khả dụng khác.
	Đổi Tên Đầu Vào	Cho phép bạn Đổi Tên Đầu Vào.
	Cài lại Nguồn Đầu Vào	Tái thiết tất cả các cài đặt có trong menu Input Source (Nguồn đầu vào) về giá trị mặc định.
	Màu sắc	Dùng menu Color (Màu sắc) để chỉnh chế độ cài đặt màu sắc.



Chế độ có sẵn

Khi chọn Preset Modes (Các Chế Độ Có Sẵn), bạn có thể chọn **Standard (Tiêu Chuẩn)**, **Movie (Phim)**, **Game (Trò Chơi)**, **Color Temp (Nhiệt Độ Màu)**, **Color Space (Khoảng Màu)** hoặc **Custom Color (Tùy Biến Màu)** từ danh mục.



- **Standard (Tiêu Chuẩn):** Khi ở chế độ cài đặt Màu Sắc Mặc Định, Màn hình này sử dụng tấm cản ánh sáng xanh, được TUV chứng nhận giảm được lượng ánh sáng xanh đầu ra, mang lại cảm giác thoải mái hơn, ít nhức mắt hơn khi đọc nội dung trên màn hình.
- **Movie (Phim):** Lý tưởng để xem phim.
- **Game (Trò Chơi):** Lý tưởng cho hầu hết các ứng dụng trò chơi.
- **Color Temp (Nhiệt Độ Màu):** Màn hình sẽ hiển thị màu sắc ấm hơn ở các dải màu đỏ/vàng khi thanh trượt ở mức 5.000K, hoặc lạnh hơn ở dải màu xanh khi thanh trượt ở mức 10.000K.
- **Color Space (Khoảng Màu):** Cho phép người dùng lựa chọn khoảng màu: sRGB và DCI-P3, cài đặt mặc định là sRGB.

LƯU Ý: Khi bạn chọn DCI-P3 làm khoảng màu, mức chiếu sáng của đèn nền được đặt mặc định ở 50 cd/m² (tiêu chuẩn). Bạn có thể tùy ý điều chỉnh mức chiếu sáng của đèn nền bằng chức năng Độ sáng trong mục Độ sáng/Độ tương phản của menu OSD.



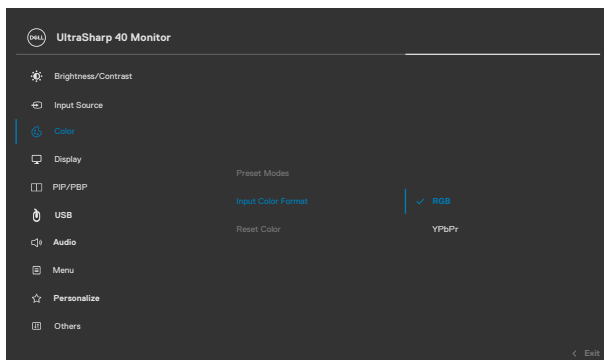
Biểu tượng	Menu và Menu Con	Mô Tả
------------	------------------	-------

Định dạng màu sắc đầu vào

- **Custom Color (Tùy Biến Màu):** Cho phép bạn chỉnh thủ công các cài đặt màu sắc. Nhấn nút trái và phải để chỉnh các giá trị Đỏ, Lục, Lam và tạo chế độ màu cài sẵn riêng của bạn.

Cho phép bạn cài chế độ đầu vào video theo:

- **RGB:** Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với máy tính (hoặc đầu đĩa DVD) bằng cáp Thunderbolt™, DP, HDMI cable.
- **YPbPr:** Chọn tùy chọn này nếu đầu đĩa DVD của bạn chỉ hỗ trợ đầu ra YPbPr.



Tông màu Dùng nút điều khiển lên hoặc xuống để chỉnh tông màu từ 0 đến 100.

LƯU Ý: Chỉ điều chỉnh được tông màu khi ở chế độ Phim và Trò Chơi.

Độ bão hòa Dùng nút điều khiển lên hoặc xuống để chỉnh độ bão hòa từ 0 đến 100.

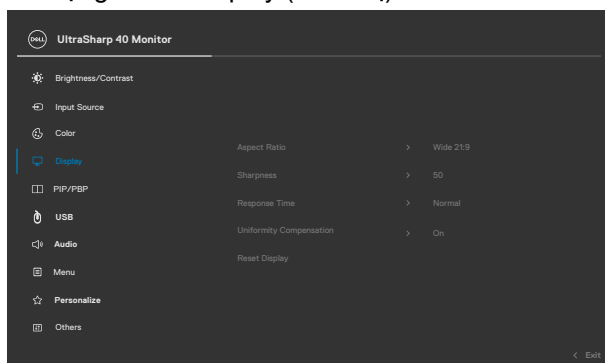
LƯU Ý: Chỉ điều chỉnh được độ bão hòa khi ở chế độ Phim và Trò Chơi.

Cài lại màu Tái thiết các cài đặt Nguồn Đầu Vào về với mặc định.





Sử dụng menu Display (Hiển thị) để chỉnh hình ảnh.

**Tỷ Lệ Khung Hình**

Chỉnh tỷ lệ hình ảnh thành **Rộng 21:9**, **Tự động**, **4:3** và **Pixel-for-Pixel**.

Độ sắc nét

Làm cho hình ảnh trông sắc nét hoặc mềm mại hơn. Di chuyển phím điều khiển lên và xuống để chỉnh độ sắc nét từ '0' đến '100'.

Thời Gian Hồi Đáp

Cho phép bạn cài **Response Time (Thời gian hồi đáp)** sang **Normal (Thường)** hoặc **Fast (Nhanh)**.

Bù trừ đồng bộ

Chọn các cài đặt bù trừ đồng bộ màn hình. Chức năng này giúp điều chỉnh các vùng trên màn hình theo vùng trung tâm để đạt được màu sắc và độ sáng đồng bộ cho toàn màn hình. Để hiệu suất màn hình tối ưu, **Brightness and Contrast (Độ sáng và Tương phản)** ở một số chế độ có sẵn (**Standard (Tiêu chuẩn)**, **Color Temp. (Nhiệt độ màu)**) sẽ bị tắt khi Bật Bù trừ Đồng bộ.

LƯU Ý: Người dùng nên sử dụng cài đặt độ sáng mặc định khi bật **Uniformity Compensation (Bù trừ Đồng bộ)**. Đối với cài đặt độ sáng khác, hiệu suất đồng bộ có thể khác với dữ liệu của Báo cáo Hiệu chỉnh Mặc định.

Cài Lại Chế Độ Hiển Thị

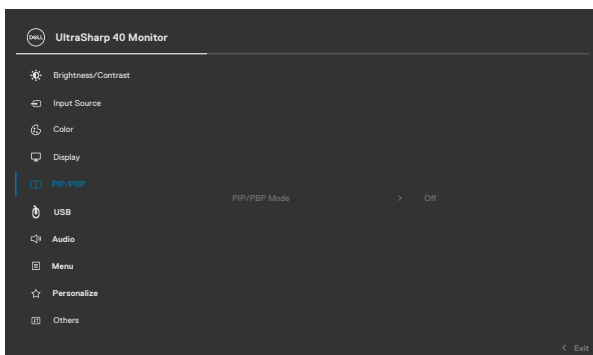
Tái thiết các cài đặt có trong menu **Display (Hiển thị)** về giá trị mặc định.





PIP/PBP

Bạn có thể cùng lúc xem được nhiều hình ảnh hơn.



Cửa sổ chính	Cửa sổ phụ			
	Thunderbolt™ (90W)	DP	HDMI 1	HDMI 2
Thunderbolt™ (90W)	x	√	√	√
DP	√	x	√	√
HDMI 1	√	√	x	√
HDMI 2	√	√	√	x

Chế Độ PIP/PBP Điều chỉnh chế độ PIP hoặc PBP (Từng Hình Ảnh).
Bạn có thể tắt tính năng này bằng cách chọn Tắt.

PIP/PBP (Phụ) Chọn giữa các tín hiệu video khác nhau mà được kết nối với màn hình của bạn để xem cửa sổ phụ PIP/PBP.

Chuyển đổi USB Chọn để chuyển đổi giữa các nguồn upstream USB ở chế độ PBP.

Chuyển Video Chuyển Video Chính & Phụ

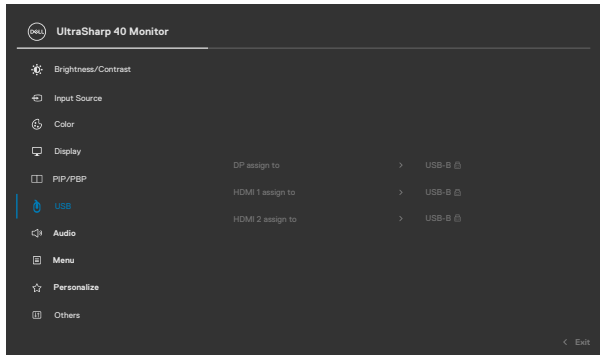
Tương phản (Phụ) Thay đổi các thiết đặt Tương phản của Video Phụ.





USB

Bạn có thể cùng lúc xem được nhiều hình ảnh hơn.



DP được chỉ định cho

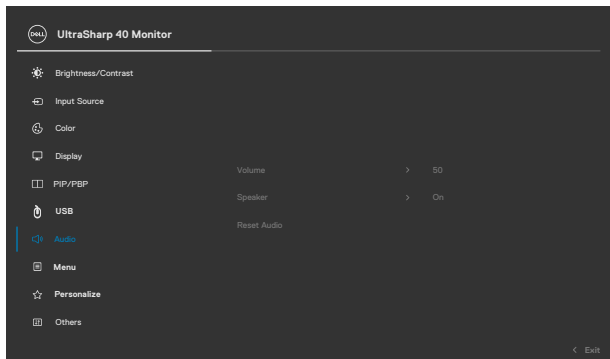
HDMI 1 được chỉ định cho


HDMI 2 được chỉ định cho

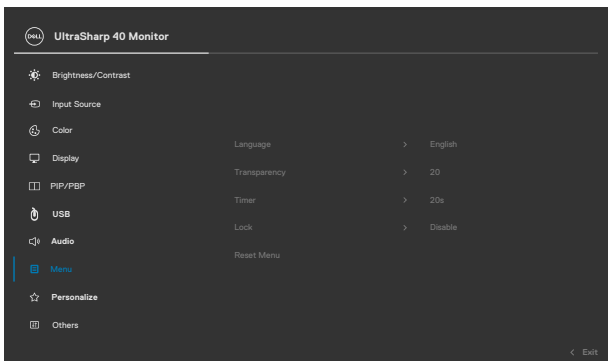
Chỉ định cho USB-B hoặc Thunderbolt™ (90 W).



Âm thanh



Biểu tượng	Menu và Menu Con	Mô Tả
	Âm lượng	Cho phép bạn cài mức âm lượng cho tai nghe. Dùng phím điều khiển để chỉnh mức âm lượng từ 0 đến 100.
	Loa	Chọn On (Bật) hoặc Off (Tắt) chức năng Loa.
	Cài Lại Âm Thanh	Tái thiết các cài đặt có trong menu Audio (Âm thanh) về giá trị mặc định.
	Menu	Chọn tùy chọn này để chỉnh các cài đặt của menu OSD chẳng hạn như ngôn ngữ menu OSD, thời lượng mà menu này tiếp tục hiển thị trên màn hình, v.v...

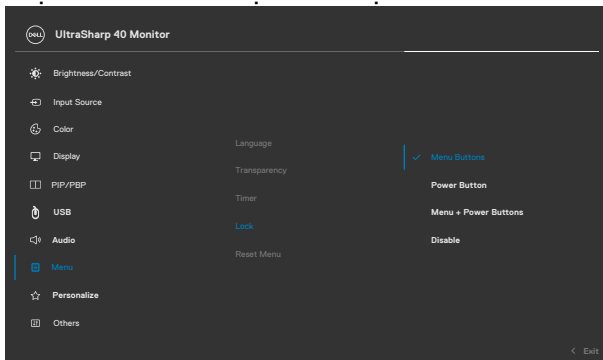


Ngôn ngữ	Cài đặt hiển thị OSD bằng một trong tám ngôn ngữ. (tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Braxin, tiếng Nga, tiếng Hoa giản thể hoặc tiếng Nhật).
Độ trong suốt	Chọn tùy chọn này để đổi độ trong suốt của menu bằng cách di chuyển phím điều khiển lên hoặc xuống (tối thiểu 0/tối đa 100).
Hẹn giờ	OSD Hold Time (Thời Gian Duy Trì OSD): Đặt thời lượng mà menu OSD sẽ tiếp tục hoạt động sau khi bạn nhấn nút. Di chuyển phím điều khiển để chỉnh thanh trượt với mức tăng giảm 1 giây, từ 5 đến 60 giây.



Khóa

Khi khóa các nút điều khiển trên màn hình, bạn có thể ngăn không cho người khác có thao tác tùy tiện. Cũng là giải pháp ngăn chặn các kích hoạt vô tình khi cài đặt ở chế độ đa màn hình.



- **Menu Buttons (Các Nút Menu):** Thông qua OSD để khóa các nút Menu.
- **Power Button (Nút Nguồn):** Thông qua OSD để khóa nút Nguồn.
- **Menu + Power Buttons (Các Nút Menu + Nguồn):** Thông qua OSD để khóa tất cả các nút Menu và Nguồn.
- **Disable (Tắt):** Di chuyển Núm điều khiển sang trái và giữ trong vòng 4 giây.

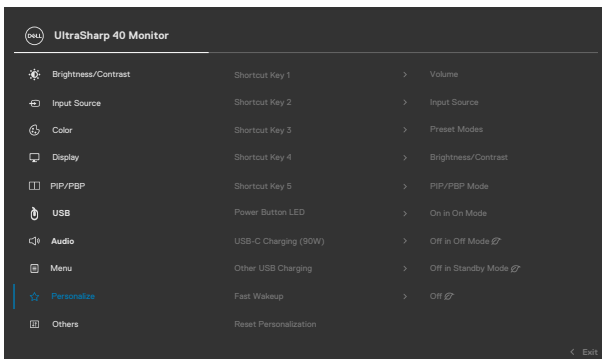
Cài lại Menu

Tái thiết các cài đặt có trong **Reset Menu (Cài lại Menu)** về giá trị mặc định.





Tùy biến cá nhân



Phím tắt 1

Phím tắt 2

Phím tắt 3

Phím tắt 4

Phím tắt 5

Chọn từ **Preset Modes (Các Chế Độ Có Sẵn)**, **Brightness/Contrast (Độ Sáng/Độ Tương Phản)**, **Input Source (Nguồn Đầu Vào)**, **Aspect Ratio (Tỷ Lệ Màn Hình)**, **PIP/PBP Mode (Chế Độ PIP/PBP)**, **USB Switch (Chuyển đổi USB)**, **Video Swap (Chuyển Video)**, **Volume (Âm lượng)**, **Display Info (Thông tin Hiển thị)** được cài đặt là phím tắt 2.

Đèn LED Nút Nguồn

Sạc USB-C (90 W)

Sạc USB Khác

Bật Nhanh

Cài lại Tùy biến cá nhân hóa

Cho phép bạn cài đặt trạng thái của đèn nguồn để tiết kiệm điện năng.

Cho phép bạn bật hoặc tắt chức năng **USB-C Charging (90 W) (Sạc USB-C (90 W))** khi màn hình ở chế độ tắt nguồn.

Cho phép bạn bật hoặc tắt chức năng **Other USB Charging (Sạc USB Khác)** khi màn hình ở chế độ Standby.

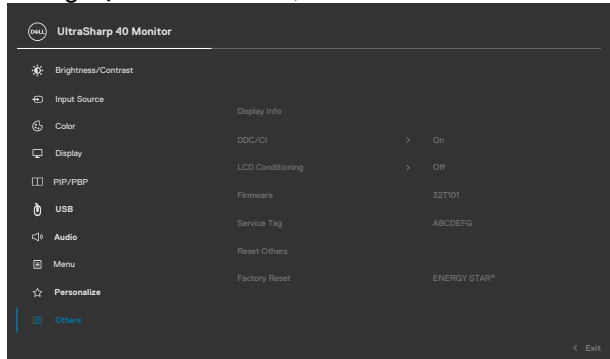
Rút ngắn thời gian phục hồi từ chế độ ngủ.

Tái thiết các cài đặt có trong menu **Personalize (Tùy biến cá nhân)** về giá trị mặc định.





Chọn tùy chọn này để chỉnh các cài đặt của OSD chẳng hạn như **DDC/CI**, **Điều Chỉnh LCD**...

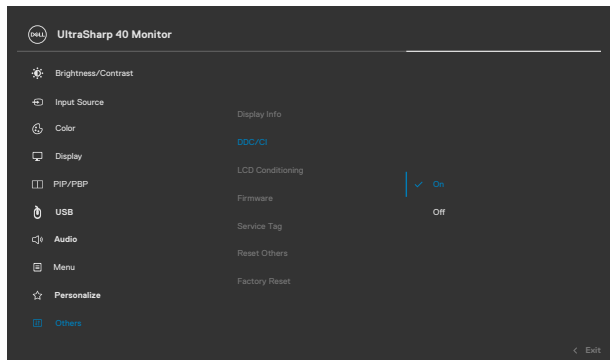


Thông Tin Hiển Thị

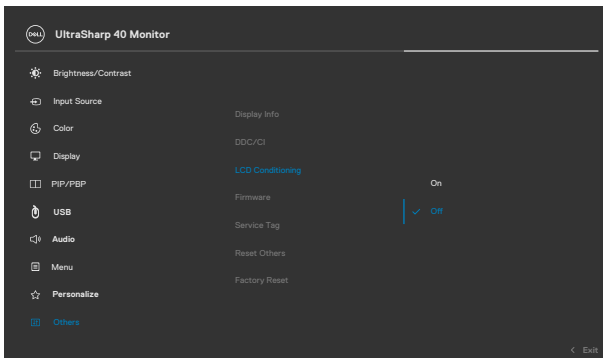
DDC/CI

Hiển thị các cài đặt hiện tại của màn hình.

DDC/CI (Kênh Dữ Liệu Hiển Thị/Giao Diện Lệnh) cho phép bạn điều chỉnh các thông số màn hình (độ sáng, cân bằng màu sắc...) bằng phần mềm trên máy tính. Bạn có thể tắt tính năng này bằng cách chọn **Off (Tắt)**. Bật tính năng này để có trải nghiệm người dùng tốt nhất và mang lại hiệu suất tối ưu cho màn hình của bạn.



Biểu tượng	Menu và Menu Con	Mô Tả
	Điều Chỉnh LCD	Giúp giảm bớt các trường hợp lưu giữ ảnh không cần thiết. Tùy vào mức độ lưu giữ ảnh, có thể mất một lúc để chương trình khởi động. Bạn có thể bật tính năng này bằng cách chọn On (Bật) .

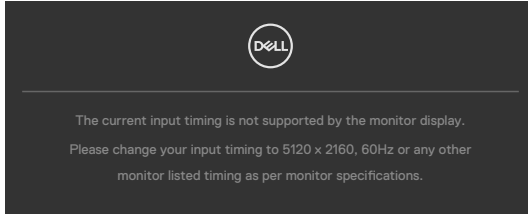


Firmware	Hiển thị phiên bản firmware trên màn hình của bạn.
Nhãn Thẻ Dịch Vụ	Hiển thị Nhãn Thẻ Dịch Vụ. Thẻ Dịch Vụ là mã nhận dạng gồm cả chữ và số giúp Dell nhận biết được các thông số sản phẩm và tìm thông tin bảo hành. LƯU Ý: Thẻ Dịch Vụ được in trên nhãn nằm ở phía sau của vỏ sản phẩm.
Tái thiết các mục khác	Tái thiết các cài đặt có trong menu Others (Khác) về giá trị mặc định.
Cài Về Mặc Định	Phục hồi tất cả các giá trị cài trước về mặc định. Đây cũng là các cài đặt cho quá trình thử nghiệm ENERGY STAR® .



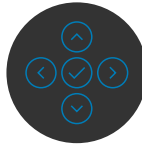
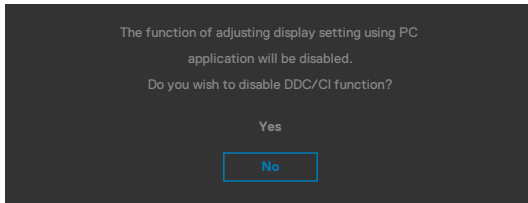
Thông tin cảnh báo OSD

Khi màn hình không hỗ trợ độ phân giải cụ thể nào đó, bạn có thể thấy thông báo sau:

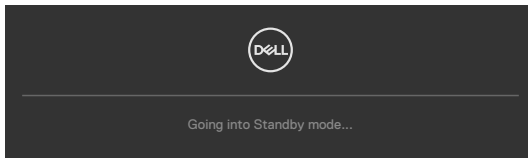


Có nghĩa là màn hình không thể đồng bộ với tín hiệu mà nó nhận được từ máy tính. Xem [Thông Số Kỹ Thuật Màn Hình](#) để biết các dải tần số Ngang và Dọc có thể được xử lý trên màn hình này. Chế độ khuyến dùng là 5120 x 2160.

Bạn có thể thấy thông báo sau đây trước khi chức năng DDC/CI được tắt:

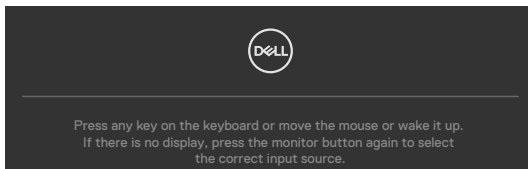


Khi màn hình chuyển sang chế độ **Chờ**, thông báo sau đây sẽ hiện ra:



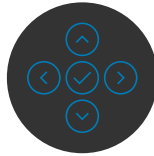
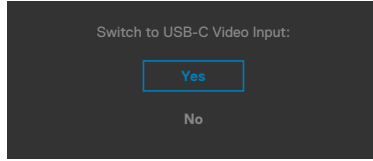
Kích hoạt máy tính và màn hình để truy cập **OSD**.

Khi nhấn bất cứ nút nào ngoài nút nguồn, thông báo sau đây sẽ hiển thị tùy theo đầu vào được chọn:

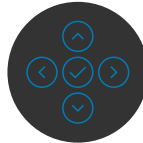
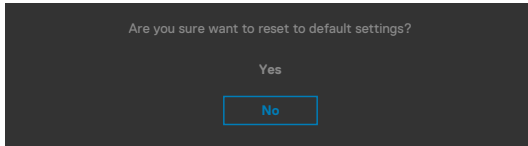


Thông báo sẽ hiển thị khi cáp hỗ trợ chế độ thay thế DP được cắm vào màn hình trong các điều kiện sau:

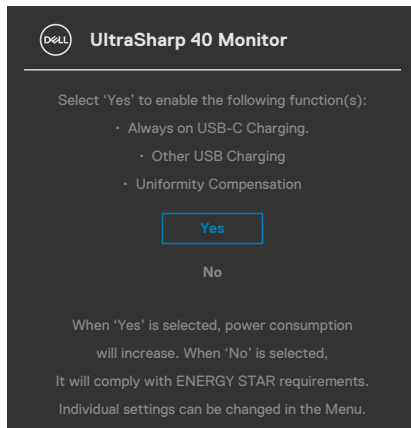
- Khi chế độ **Tự Động Chọn Thunderbolt** được đặt sang chế độ **Thông Báo Nhiều Tín Hiệu Đầu Vào**.
- Khi cáp DP được cắm vào màn hình.



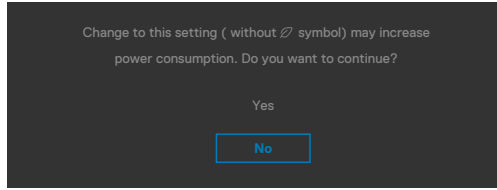
Khi chọn các hạng mục **Tái Thiết Mặc Định** trong mục Nội Dung Khác trên OSD, thông báo sau đây sẽ hiện ra:



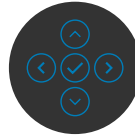
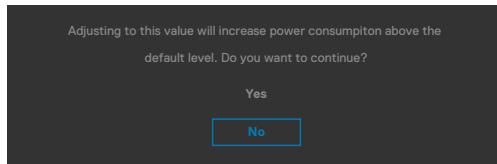
Khi bạn chọn **'Yes (Có)'** để tái thiết về mặc định, thông báo sau đây sẽ hiện ra:



Chọn các mục **Bật ở Chế Độ Chờ** trên OSD ở phần Tùy Biến Cá Nhân, thông báo sau đây sẽ hiện ra:



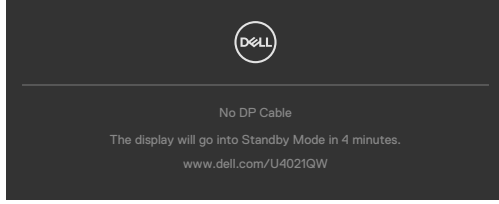
Nếu điều chỉnh Độ Sáng vượt mức mặc định trên 75%, thông báo sau đây sẽ hiện ra:



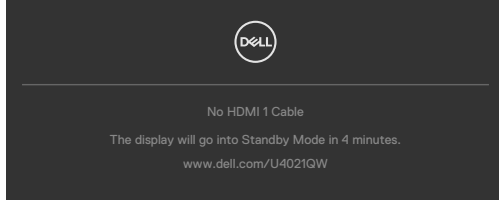
- Khi người dùng chọn "Yes" (Có), thông báo nguồn sẽ chỉ hiển thị một lần.
- Khi người dùng chọn 'Không', thông báo nguồn sẽ lại hiện ra.
- Thông báo nguồn sẽ hiện lại chỉ khi người dùng thực hiện Tái Thiết Mặc Định từ menu OSD.



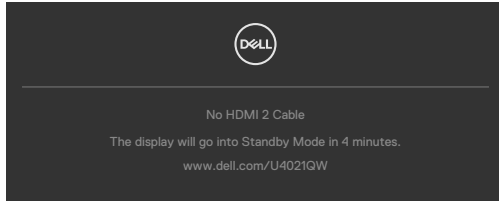
Nếu chọn đầu vào Thunderbolt™ (90 W), DP, HDMI và chưa cắm cáp tương ứng, hộp thoại di động như minh họa dưới đây sẽ hiển thị.



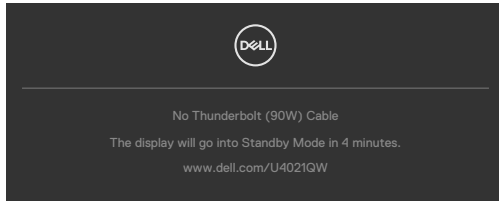
hoặc



hoặc



hoặc



Xem **Khắc phục sự cố** để biết thêm thông tin.



Cài đặt độ phân giải tối đa

Để cài đặt độ phân giải tối đa cho màn hình:

Trên Window 7, Window 8 hoặc Windows 8.1:

1. Đối với Windows 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng Desktop để chuyển sang desktop cổ điển. Đối với Windows Vista và Windows 7, bỏ qua bước này.
2. Nhấp phải vào desktop và chọn **Độ phân giải màn hình**.
3. Nhấp vào danh sách **Độ Phân Giải Màn Hình** sổ xuống và chọn **5120 x 2160**.
4. Nhấp **OK**.

Trên Windows 10:

1. Nhấp phải vào desktop và chọn **Cài đặt màn hình**.
2. Nhấp **Cài Đặt Hiển Thị Nâng Cao**.
3. Nhấp vào danh sách **Độ Phân Giải** sổ xuống và chọn **5120 x 2160**.
4. Nhấp **Áp dụng**.

Nếu không thấy tùy chọn **5120 x 2160**, bạn có thể cần cập nhật driver đồ họa.

Tùy theo máy tính của bạn, hoàn thiện một trong những quy trình sau đây:

Nếu bạn có máy tính bàn hoặc máy tính xách tay Dell:

- Truy cập <http://www.dell.com/support>, nhập thẻ dịch vụ của bạn và tải về driver mới nhất cho card đồ họa.

Nếu bạn đang không sử dụng máy tính Dell (laptop hoặc máy bàn):

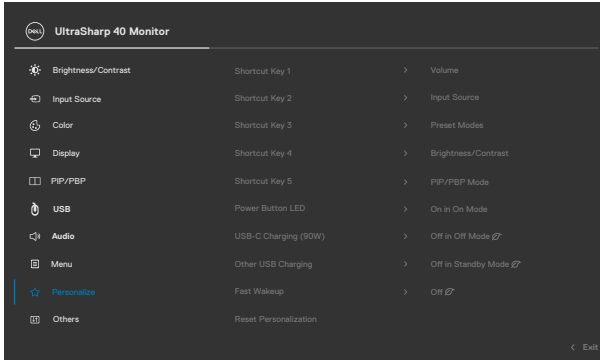
- Truy cập trang web hỗ trợ của nhà sản xuất máy tính và tải về driver card đồ họa mới nhất.
- Truy cập trang web của nhà sản xuất card đồ họa và tải về driver card đồ họa mới nhất.



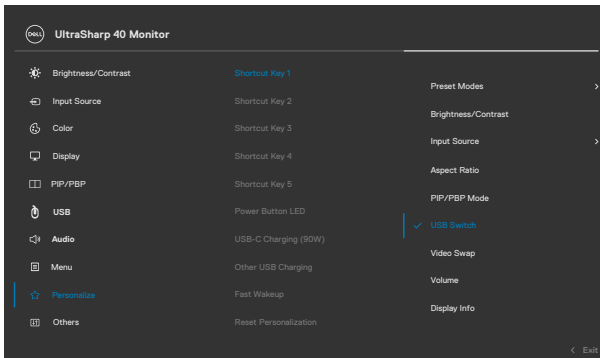
Thiết đặt Chuyển Đổi USB KVM

Để cài đặt Chuyển Đổi USB KVM thành Phím Tắt cho màn hình:

1. Nhấn nút điều khiển để mở menu chính của OSD.
2. Di chuyển phím điều khiển để chọn **Personalize (Tùy biến cá nhân)**.



3. Di chuyển nút điều khiển sang phải để kích hoạt tùy chọn được bôi đậm.
4. Di chuyển nút điều khiển sang phải để kích hoạt tùy chọn **Shortcut Key 1 (Phím Tắt 1)**.
5. Di chuyển nút điều khiển lên hoặc xuống để chọn **USB Select Switch (Chuyển đổi chọn USB)**.



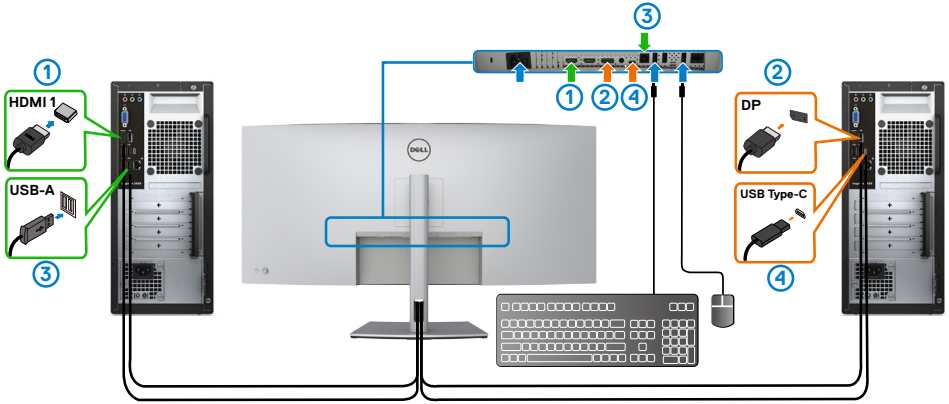
6. Nhấn nút điều khiển để xác nhận tùy chọn.

LƯU Ý: Chức năng Chuyển Đổi USB KVM chỉ khả dụng khi ở chế độ PBP.



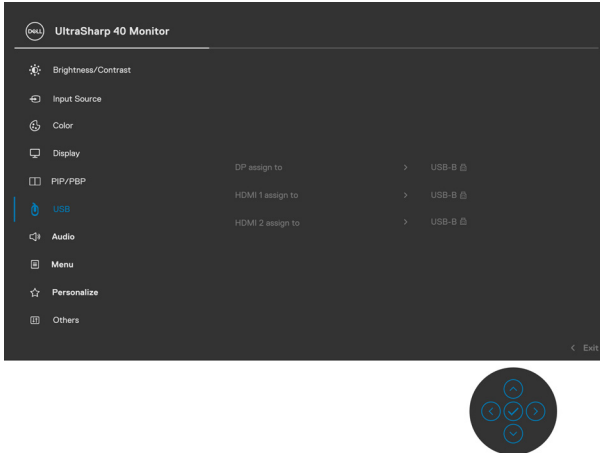
Dưới đây là hình ảnh minh họa cho một số kịch bản kết nối và các thiết đặt menu Chọn USB tương ứng với các khung màu.

1. Khi kết nối **HDMI 1 + USB-B** vào máy tính 1 và **DP + Thunderbolt™ (90W)** vào máy tính 2:

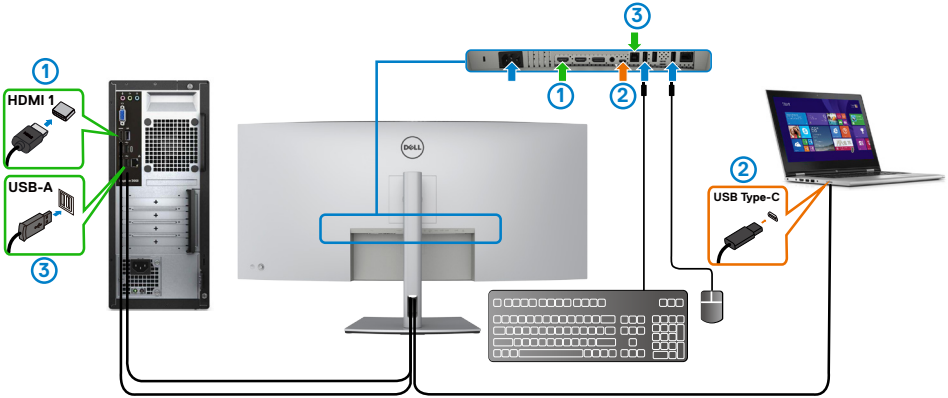


LƯU Ý: Kết nối Thunderbolt™ (90 W) hiện chỉ hỗ trợ truyền dữ liệu.

Cần đảm bảo Tùy Chọn USB cho **HDMI 1** được thiết đặt ở **USB-B** và DP được thiết đặt ở **Thunderbolt™ (90 W)**.

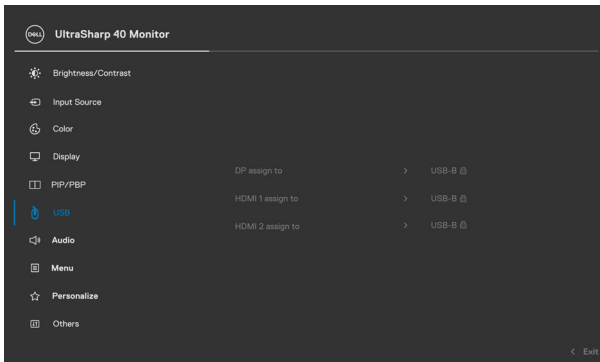


2. Khi kết nối **HDMI 1 + USB-B** vào máy tính 1 và **Thunderbolt™ (90 W)** vào máy tính 2:



LƯU Ý: Kết nối Thunderbolt™ (90 W) hiện chỉ hỗ trợ truyền dữ liệu.

Cần đảm bảo Tùy Chọn USB cho **HDMI 1** được thiết đặt ở **USB-B**.



LƯU Ý: Do cổng Thunderbolt™ 3 (90 W) hỗ trợ Chế Độ Thay Thế DisplayPort, nên không cần thiết đặt Tùy Chọn USB cho Thunderbolt™ (90W).

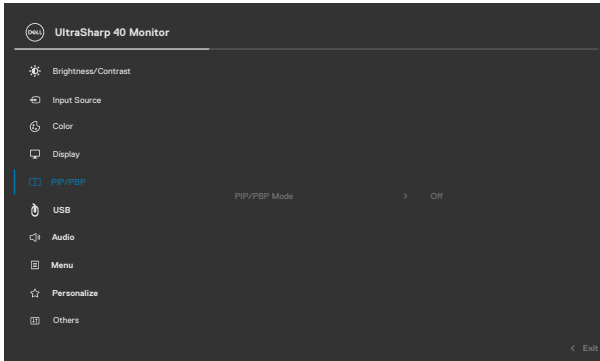
LƯU Ý: Khi kết nối với các nguồn vào video khác mà không được liệt kê trên đây, cần áp dụng phương pháp tương tự để thiết đặt đúng cho Tùy Chọn USB và ghép nối với các cổng.



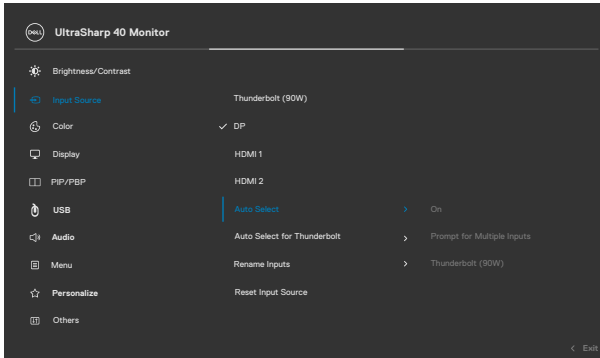
Thiết đặt KVM Tự Động

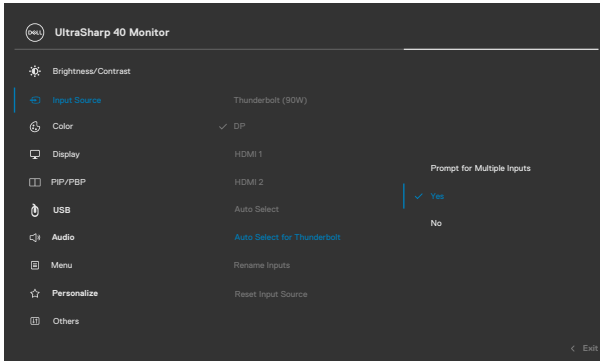
Bạn làm theo hướng dẫn dưới đây để thiết đặt KVM Tự Động cho màn hình của mình:

1. Cần đảm bảo rằng **PBP Mode (Chế Độ PBP)** được **Off (Tắt)**.

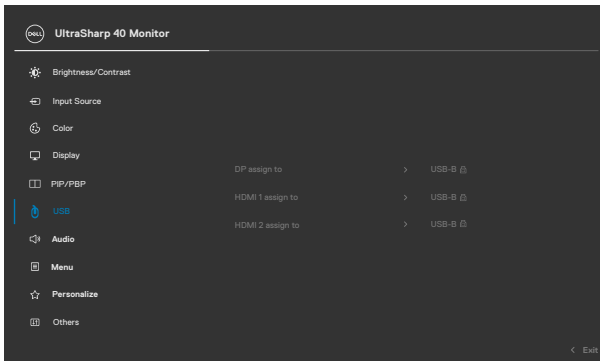


2. Cần đảm bảo rằng **Auto Select (Chọn Tự Động)** được **On (Bật)** và **Auto Select for Thunderbolt™** ở trạng thái **Có**.





3. Cần đảm bảo các cổng USB và đầu vào video được ghép nối tương ứng.



LƯU Ý: Đối với kết nối Thunderbolt™ (90 W), không cần thêm thiết đặt nào khác.



Khắc phục sự cố

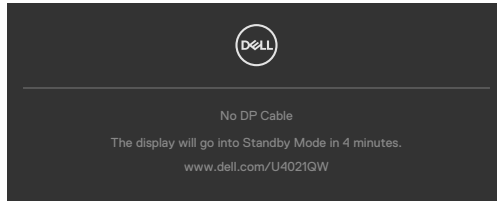
⚠ CẢNH BÁO: Trước khi bắt đầu bất cứ quy trình nào ở phần này, hãy làm theo **Hướng Dẫn An Toàn**.

Tự kiểm tra

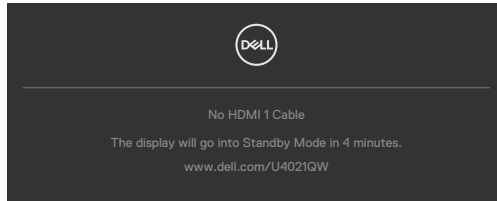
Màn hình cung cấp chức năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình có đang hoạt động đúng chức năng hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng cách nhưng màn hình vẫn tối, hãy chạy tùy chọn tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện theo các bước sau:

1. Tắt cả máy tính và màn hình.
2. Rút cáp video ra khỏi mặt sau của máy tính Để đảm bảo Tự Kiểm Tra chính xác, rút hết các cáp số và analog ra khỏi mặt sau của máy tính.
3. Bật màn hình.

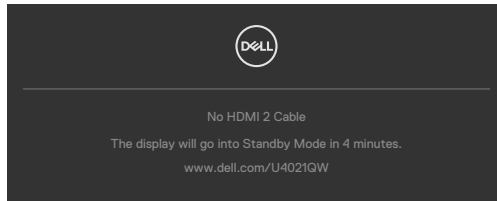
Hộp thoại di động sẽ hiển thị trên màn hình (nổi lên nền màu đen), nếu màn hình không thể nhận biết được tín hiệu video nhưng vẫn đang hoạt động bình thường. Khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED nguồn sẽ vẫn có màu trắng. Ngoài ra, tùy theo đầu vào được chọn, một trong các hộp thoại dưới đây sẽ hiện liên tục trên màn hình.



hoặc

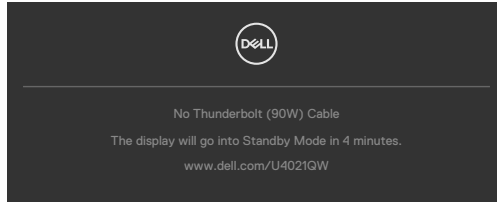


hoặc



hoặc

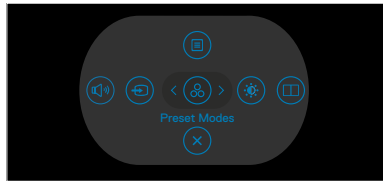





- Hộp thoại này cũng hiển thị trong khi sử dụng bình thường khi cáp video bị ngắt kết nối hoặc bị hỏng.
- Tắt màn hình và kết nối lại cáp video; sau đó bật cả máy tính và màn hình. Nếu màn hình vẫn tối sau khi làm quy trình nói trên, hãy kiểm tra bộ điều khiển video và máy tính, bởi vì màn hình vẫn đang hoạt động bình thường.

Chẩn đoán tích hợp

Màn hình của bạn có công cụ chẩn đoán tích hợp giúp bạn xác định xem hoạt động bất thường của màn hình mà bạn đang gặp phải có phải là sự cố vốn có của màn hình hay của máy tính và card video.



Để chạy chức năng chẩn đoán tích hợp:

- Đảm bảo màn hình sạch sẽ (không có các hạt bụi trên bề mặt màn hình).
- Ấn và giữ nút Lên hoặc Xuống hoặc Trái hoặc Phải trong vòng bốn giây cho đến khi có một menu hiện ra trên màn hình.
- Dùng phím điều khiển, đánh dấu tùy chọn Chẩn Đoán  option và ấn phím điều khiển để bắt đầu chẩn đoán. Màn hình màu xám sẽ hiện ra.
- Kiểm tra xem màn hình có bị lỗi hay bất thường gì không.
- Nhấn phím điều khiển lần nữa cho đến khi hiện ra màn hình màu đỏ.
- Kiểm tra xem màn hình có bị lỗi hay bất thường gì không.
- Lặp lại bước 5 và 6 cho đến khi màn hình hiển thị màu xanh lục, xanh dương, đen và trắng. Ghi lại các bất thường hoặc lỗi.

Thao tác kiểm tra này sẽ hoàn thành khi màn hình văn bản xuất hiện. Để thoát, ấn phím điều khiển lần nữa.

Nếu bạn không phát hiện bất kỳ bất thường nào trên màn hình sau khi sử dụng công cụ chẩn đoán tích hợp, tức là màn hình đang hoạt động bình thường. Kiểm tra card video và máy tính.



Các sự cố thường gặp

Bảng sau đây cung cấp thông tin chung về các sự cố màn hình thường gặp mà bạn có thể gặp phải và các giải pháp khả thi:

Triệu Chứng Thường Gặp	Bạn Trải Nghiệm Những Gì	Giải Pháp Khả Thi
Không có video/Đèn LED nguồn tắt	Không có hình ảnh	<ul style="list-style-type: none">• Đảm bảo cáp video đang kết nối với màn hình, và máy tính được kết nối đúng cách và an toàn.• Kiểm tra xem ổ cắm điện có đang hoạt động đúng cách với bất kỳ thiết bị điện nào khác hay không.• Đảm bảo nút nguồn được ấn xuống hoàn toàn.• Đảm bảo đã chọn nguồn đầu vào thích hợp qua menu Input Source (Nguồn Đầu Vào).
Không có video/Đèn LED nguồn bật	Không có hình ảnh hoặc độ sáng bằng 0	<ul style="list-style-type: none">• Tăng độ sáng và độ tương phản bằng OSD.• Bật chức năng kiểm tra tính năng tự kiểm tra.• Kiểm tra xem chấu cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không.• Chạy chức năng chẩn đoán tích hợp.• Đảm bảo đã chọn nguồn đầu vào thích hợp qua menu Input Source (Nguồn Đầu Vào).
Thiếu điểm ảnh	Màn hình LCD có các chấm	<ul style="list-style-type: none">• Bật/tắt lại nguồn.• Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD.• Để biết thêm thông tin về Chất Lượng Màn Hình Dell và Chính Sách Điểm Ảnh, hãy xem trang Hỗ Trợ của Dell tại: www.dell.com/pixelguidelines.
Điểm ảnh bị dính	Màn hình LCD có các chấm sáng	<ul style="list-style-type: none">• Bật/tắt lại nguồn.• Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD.• Để biết thêm thông tin về Chất Lượng Màn Hình Dell và Chính Sách Điểm Ảnh, hãy xem trang Hỗ Trợ của Dell tại: www.dell.com/pixelguidelines.



Triệu Chứng Thường Gặp	Bạn Trải Nghiệm Những Gì	Giải Pháp Khả Thi
Sự cố độ sáng	Ảnh quá mờ hoặc quá sáng	<ul style="list-style-type: none"> • Cài đặt về mặc định. • Điều chỉnh độ sáng và độ tương phản bằng OSD.
Các vấn đề liên quan đến an toàn	Các dấu hiệu bốc khói hoặc tia lửa nhìn thấy được	<ul style="list-style-type: none"> • Không thực hiện bất kỳ bước khắc phục sự cố nào. • Liên hệ ngay với Dell.
Sự cố gián đoạn	Lỗi Bật/Tắt màn hình	<ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn. • Cài đặt về mặc định. • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem sự cố gián đoạn có xuất hiện ở chế độ tự kiểm tra hay không.
Thiếu màu sắc	Hình ảnh bị thiếu màu sắc	<ul style="list-style-type: none"> • Bật chức năng tự kiểm tra màn hình. • Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn. • Kiểm tra xem đầu cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không.
Sai màu sắc	Màu sắc hình ảnh không tốt	<ul style="list-style-type: none"> • Thay đổi cài đặt của Các Chế Độ Có Sẵn trong mục Màu Sắc tùy theo ứng dụng. • Điều chỉnh giá trị R/G/B trong mục Tùy Biến Màu trong menu Màu Sắc của OSD. • Thay đổi Định dạng màu đầu vào sang PC RGB hoặc YPbPr trong menu OSD Màu sắc. • Chạy chức năng chẩn đoán tích hợp.
Lỗi giữ ảnh từ ảnh tĩnh vẫn còn lưu giữ trên màn hình trong một thời gian dài	Có bóng mờ từ ảnh tĩnh xuất hiện trên màn hình.	<ul style="list-style-type: none"> • Cài đặt tắt màn hình sau vài phút nhàn rỗi. Các tác vụ này có thể được điều chỉnh trong mục Windows Power Options (Tùy Chọn Năng Lượng trên Window) hoặc Mac Energy Saver Setting (Cài Đặt Tiết Kiệm Năng Lượng trên Mac). • Ngoài ra, cũng có thể sử dụng chức năng bảo vệ màn hình thay đổi tự động.



Sự Cố của Từng Sản Phẩm Cụ Thể

 LƯU Ý: Thunderbolt™ không được hỗ trợ trên Windows 7.

Vấn đề	Bạn trải nghiệm những gì	Giải Pháp Khả Thi
Ảnh màn hình quá nhỏ	Hình ảnh ở giữa màn hình nhưng không dàn trải toàn bộ vùng hiển thị	<ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra cài đặt Tỷ lệ khung hình trong menu OSD Hiển thị.• Cài đặt về mặc định.
Không thể điều chỉnh màn hình bằng các nút ở mặt trước	OSD không xuất hiện trên màn hình	<ul style="list-style-type: none">• Tắt màn hình, rút dây nguồn, cắm lại rồi bật lại màn hình.
Không có tín hiệu đầu vào khi nhấn các nút điều khiển người dùng	Không có hình ảnh, đèn LED sáng trắng	<ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở tiết kiệm năng lượng bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn bất kỳ phím nào trên bàn phím.• Kiểm tra xem cáp tín hiệu có được cắm đúng cách hay không. Cắm lại cáp tín hiệu nếu cần.• Khởi động lại máy tính hoặc đầu phát video.
Ảnh không hiển thị toàn màn hình	Hình ảnh không dàn trải hết chiều cao hoặc chiều rộng của màn hình	<ul style="list-style-type: none">• Do các định dạng video khác nhau (tỷ lệ khung hình) của các đĩa DVD, màn hình có thể hiển thị trên toàn màn hình.• Chạy chức năng chẩn đoán tích hợp.
Không có Video hoặc hiển thị trên cổng HDMI	Không có video khi kết nối cục ghép, khóa điện tử hoặc đầu phát DVD Blu-ray	<ul style="list-style-type: none">• Do nền tảng thiết bị không nhận biết hoặc xuất được độ phân giải 5120 x 2160, nên chúng tôi đề xuất chuyển đổi sang độ phân giải thấp hơn để khắc phục sự cố tương thích này:<ol style="list-style-type: none">1. Rút hết các cáp đầu vào, nhấn và giữ nút Lên hoặc Xuống hoặc Trái hoặc Phải trong vòng 4 giây. (Vui lòng xem Chẩn đoán tích hợp để biết các mã nút)2. Chọn "Enable" (Kích hoạt) ở màn hình HIỆN RA để thay đổi độ phân giải tối đa từ 5120 x 2160 về 3840 x 2160.



Vấn đề	Bạn trải nghiệm những gì	Giải Pháp Khả Thi
Màn hình đã hiển thị hình ảnh ở độ phân giải 2560 x 1080 @ 60Hz	Hình ảnh hiển thị không phải ở độ phân giải 5120 x 2160 @ 30Hz/60Hz do chế độ sao chép	<ul style="list-style-type: none"> • Nhấn “Windows” + “P”, chọn “Extend Mode” (Chế độ mở rộng) hoặc “second screen only” (chỉ màn hình hai). • Vào mục thiết đặt Hiển Thị, chọn 5120x2160.
Màn hình đã hiển thị hình ảnh không phải ở độ phân giải 5120x2160	Hình ảnh hiển thị không phải ở độ phân giải 5120 x 2160 khi kết nối với thiết bị ghép nối	<ul style="list-style-type: none"> • Để hỗ trợ 5120x2160, cần kiểm tra xem thiết bị ghép nối có đáp ứng một trong các tiêu chí dưới đây không: <ol style="list-style-type: none"> 1. DP1.2 hoặc cao hơn 2. Type-C Alt Mode DP1.2 hoặc cao hơn 3. HDMI 2.0
Màn hình đen trên cổng Chrome OS @ HDMI	Màn hình đen sau khi bật chế độ PBP 80/20	<ul style="list-style-type: none"> • Driver card đồ họa không thể hỗ trợ độ phân giải 4096 x 2160. • Chuyển sang PBP 75/25 hoặc 50/50
Không Hiển thị hoặc USB không hoạt động	Không Hiển thị hoặc USB không hoạt động trên Windows 7	<ul style="list-style-type: none"> • Windows 7 không hỗ trợ. Chuyển sang Windows 10.
Nhập @ cổng HDMI vào menu thiết đặt BIOS	Không thể vào menu thiết đặt BIOS	<ul style="list-style-type: none"> • rút cáp HDMI hoặc ngắt nối màn hình
Màn hình đen khi ở chế độ PBP @ HDMI	Chuyển sang chế độ PBP 80/20 không hiển thị hình ảnh @ HDMI khi kết nối với thiết bị Ghép Nối	<ul style="list-style-type: none"> • Một số thiết bị ghép nối không hỗ trợ độ phân giải 80/20 (4096 x 2160). • Chuyển chế độ PBP sang 75/25 hoặc 50/50 • Cắm/rút cáp HDMI • Chuyển nguồn đầu vào sang cổng DP



Vấn đề	Bạn trải nghiệm những gì	Giải Pháp Khả Thi
Hình ảnh hiển thị ở độ phân giải 5120 x 2160 @ 30 Hz trên cổng HDMI	Không thể chọn 5120 x 2160 @ 60 Hz trên Bảng Điều Khiển Đồ Họa tại Cổng HDMI	<ul style="list-style-type: none"> Do giới hạn về băng thông trên nền tảng HDMI 2.0 HW nên chỉ có thể hỗ trợ độ phân giải 5120 x 2160 @ 30 Hz. Chuyển sang DP 1.2 hoặc cao hơn
Màn hình đã hiển thị hình ảnh ở độ phân giải 3840 x 2160 @ 60 Hz	Không thể chọn 5120 x 2160 trên Bảng Điều Khiển Đồ Họa	<ul style="list-style-type: none"> Do giới hạn trên nền tảng HW nên không hỗ trợ độ phân giải 5120 x 2160. Để hỗ trợ 5120x2160 @ 60 Hz, cần kiểm tra xem nền tảng có đáp ứng một trong các tiêu chí dưới đây không: <ol style="list-style-type: none"> DP1.2 hoặc cao hơn. Type-C Alt Mode DP1.2 hoặc cao hơn. HDMI 2.0.
Màn hình hiển thị hình ảnh ở độ phân giải 3840 x 2160 @ 60 Hz khi sử dụng Card Đồ Họa Intel	Không thể chọn 5120 x 2160 @ 60 Hz với: Intel CPU Gen10 hoặc thấp hơn, và Driver Đồ Họa Intel x.7584 trở đi.	<ul style="list-style-type: none"> Driver Đồ Họa Intel đã tắt Hỗ Trợ Chế Độ 5K từ phiên bản V7584 đến 7916. Cài/Cài lại driver Đồ Họa Intel sau phiên bản v.7925 hoặc cao hơn.
Màn hình hiển thị hình ảnh ở độ phân giải 5120 x 2160 @ 30Hz khi kết nối với Card Đồ Họa Intel qua cổng TBT	Không thể chọn 5120 x 2160 @ 60 Hz	<ul style="list-style-type: none"> Do hạn chế về băng thông của Intel CPU Intel CPU 10th (Ice Lake) hoặc Gen 11th (Tiger Lake) hoặc CPU (DP 1.4) mới hơn có thể hỗ trợ độ phân giải 5120 x 2160 @ 60 Hz.



Vấn đề	Bạn trải nghiệm những gì	Giải Pháp Khả Thi
Không có hình ảnh khi kết nối Thunderbolt™ 3 với máy tính, laptop...	Màn hình bị đen	<ul style="list-style-type: none"> • Xác nhận xem giao diện Thunderbolt™ của thiết bị có hỗ trợ chế độ DP thay thế hay không. • Xác nhận xem thiết bị có cần sạc điện trên 90 W hay không. • Giao diện Thunderbolt™ của thiết bị không hỗ trợ chế độ DP thay thế. • Đặt chế độ từ Windows sang Máy Chiếu. • Cần đảm bảo cáp™ 4 (USB Type-C) không bị hỏng.
Không sạc khi kết nối Thunderbolt™ 3 với máy tính, laptop...	Không có tín hiệu sạc	<ul style="list-style-type: none"> • Xác nhận xem thiết bị có hỗ trợ một trong các chuẩn sạc 5 V/9 V/15 V/20 V hay không. • Xác nhận xem Notebook có cần bộ chỉnh nguồn >90 W không. • Nếu Notebook cần bộ chỉnh nguồn >90 W, không thể sạc khi kết nối Thunderbolt™ 3. • Phải đảm bảo bạn chỉ sử dụng bộ chỉnh nguồn do Dell chỉ định hoặc bộ chỉnh nguồn đi kèm sản phẩm. • Cần đảm bảo cáp™ 4 (USB Type-C) không bị hỏng.
Sạc bị gián đoạn khi kết nối Thunderbolt™ 3 vào máy tính, laptop...	Sạc bị gián đoạn	<ul style="list-style-type: none"> • Kiểm tra xem lượng tiêu thụ điện năng tối đa của thiết bị có vượt mức 90 W không. • Phải đảm bảo bạn chỉ sử dụng bộ chỉnh nguồn do Dell chỉ định hoặc bộ chỉnh nguồn đi kèm sản phẩm. • Cần đảm bảo cáp™ 4 (USB Type-C) không bị hỏng.



Vấn đề	Bạn trải nghiệm những gì	Giải Pháp Khả Thi
Không có hình ảnh khi kết nối Thunderbolt™ vào PC	Màn hình bị đen	<ul style="list-style-type: none"> • Xác nhận xem chuẩn Thunderbolt™ nào (DP 1.2 hay DP 1.4) tương thích với Card Đồ Họa của bạn. Tải và cài driver card đồ họa mới nhất. • Một số card đồ họa DP 1.2 không hỗ trợ các màn hình DP 1.4. Vào menu OSD, ở mục chọn Nguồn Đầu Vào, nhấn và giữ phím chọn Thunderbolt™ ✓ trong 8 giây để thay đổi thiết đặt màn hình từ DP 1.4 sang DP 1.2.
Không có kết nối internet	Mạng bị rớt hoặc bị gián đoạn	<ul style="list-style-type: none"> • Không Tắt/Bật nút nguồn khi đang kết nối mạng, luôn Bật nút nguồn.
Cổng LAN không hoạt động	Lỗi cài đặt hệ điều hành hoặc nối cáp	<ul style="list-style-type: none"> • Cần đảm bảo máy tính của bạn đang cài BIOS và driver mới nhất. • Cần đảm bảo RealTek Gigabit Ethernet Controller được cài trong phần Quản Lý Thiết Bị Window. • Nếu mục Cài Đặt BIOS có tùy chọn Bật/Tắt LAN/GBE, phải chọn Bật. • Cần đảm bảo rằng cáp Ethernet được nối chắc chắn trên màn hình và hub/router/firewall. • Kiểm tra đèn LED của cáp Ethernet để xác nhận đã được kết nối. Kết nối lại hai đầu của cáp Ethernet nếu đèn LED không sáng. • Đầu tiên, tắt Máy Tính, rút cáp Thunderbolt™ 4 (USB Type-C) và dây nguồn của màn hình ra. Sau đó bật nguồn máy tính, cắm dây nguồn màn hình và cáp Thunderbolt™ 4 (USB Type-C) .



Các sự cố liên quan đến Buýt Nối Tiếp Đa Năng (USB)

Triệu Chứng Cụ Thể	Bạn Trải Nghiệm Những Gì	Giải Pháp Khả Thi
Giao diện USB không hoạt động	Thiết bị USB không hoạt động	<ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra xem đã BẬT màn hình chưa.• Cần đảm bảo Tùy Chọn USB đã được thiết đặt đúng trong menu USB.• Cắm lại cáp upstream vào máy tính.• Kết nối lại thiết bị USB (kết nối downstream).• Tắt và bật lại màn hình.• Khởi động lại máy tính.• Một số thiết bị USB ví dụ như các ổ HDD di động cần có dòng điện cao hơn; kết nối thiết bị trực tiếp với máy tính.• Một số thiết bị USB ví dụ như các ổ cứng di động cần có nguồn điện cao hơn; kết nối ổ cứng trực tiếp với máy tính.• Rút một cáp upstream USB khi sử dụng hai kết nối upstream.
Cổng USB Type-C không hỗ trợ cấp nguồn	Không thể sạc cho các thiết bị ngoại vi USB	<ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra xem thiết bị kết nối có tương thích với các thông số kỹ thuật của USB-C không. Cổng USB Type-C hỗ trợ USB 2.0 và đầu ra 90 W.• Kiểm tra xem bạn có sử dụng cáp USB Type-C đi kèm với máy tính của bạn không.
Giao diện USB 3.2 Gen2 Siêu Tốc bị chậm.	Thiết bị ngoại vi USB 3.2 Gen2 Siêu Tốc hoạt động chậm hoặc không hoạt động	<ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra xem máy tính của bạn có tương thích với USB 3.0 không.• Một số máy tính có các cổng USB 3.0, USB 2.0, và USB 1.1. Đảm bảo rằng đã sử dụng đúng cổng USB.• Cắm lại cáp upstream vào máy tính.• Kết nối lại thiết bị USB (kết nối downstream).• Khởi động lại máy tính.



Triệu Chứng Cụ Thể	Bạn Trải Nghiệm Những Gì	Giải Pháp Khả Thi
Thiết bị USB không dây không hoạt động khi cắm thiết bị USB 3.0.	Thiết bị USB không dây hoạt động chậm hoặc chỉ hoạt động nếu giảm khoảng cách giữa nó và bộ nhận tín hiệu.	<ul style="list-style-type: none"> • Tăng khoảng cách giữa USB 3.0 và bộ nhận USB không dây. • Đặt bộ nhận tín hiệu USB không dây càng gần thiết bị USB không dây càng tốt. • Dùng cáp nối USB để đặt thiết bị nhận USB không dây càng xa càng tốt cổng USB 3.0.
USB không hoạt động	Không có chức năng USB	Xem bảng chỉ dẫn nguồn đầu vào và ghép nối USB



Phụ Lục

Các thông báo FCC (chỉ áp dụng ở Mỹ) và thông tin quy định khác

Để biết các thông báo FCC và thông tin quy định khác, xem trang web tuân thủ quy định tại www.dell.com/regulatory_compliance.

Liên hệ với Dell

Nếu là khách hàng tại Mỹ, vui lòng gọi 800-WWW-DELL (800-999-3355).

 **LƯU Ý: Nếu không có kết nối internet đang hoạt động, bạn có thể tìm thông tin liên hệ trên hóa đơn mua hàng, phiếu đóng gói, hóa đơn hoặc catalog sản phẩm Dell.**

Dell cung cấp nhiều tùy chọn dịch vụ và hỗ trợ qua mạng và qua điện thoại. Mức độ khả dụng khác nhau ở mỗi quốc gia và tùy theo từng sản phẩm, một số dịch vụ có thể không khả dụng tại khu vực của bạn.

Để biết nội dung hỗ trợ màn hình trực tuyến:

Xem www.dell.com/support/monitors.

Để liên hệ với Dell về vấn đề bán hàng, hỗ trợ kỹ thuật hoặc dịch vụ khách hàng:

1. Truy cập www.dell.com/support.
2. Xác nhận quốc gia hoặc khu vực của bạn trong menu Chọn quốc gia/khu vực sổ xuống ở góc dưới phải của trang.
3. Nhấp Liên Hệ Với Chúng Tôi ở ngay bên cạnh danh sách quốc gia sổ xuống.
4. Chọn liên kết hỗ trợ hoặc dịch vụ phù hợp theo nhu cầu của bạn.
5. Chọn cách liên hệ với Dell mà tiện lợi cho bạn.

Cơ sở dữ liệu của sản phẩm EU để ghi trên nhãn năng lượng và bảng thông tin sản phẩm

U4021QW: <https://eprel.ec.europa.eu/qr/390236>

